

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Như Quỳnh  
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Văn Thụ**

**HẢI PHÒNG – 2014**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI  
PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY  
TNHH MTV QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH NHÀ HẢI  
PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Như Quỳnh  
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Văn Thụ**

**HẢI PHÒNG - 2014**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Như Quỳnh

Mã SV: 1213401096

Lớp: QTL601K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng

## NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Khái quát hóa những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
  - Phản ánh thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng.
  - Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng, trên cơ sở đề xuất một số giải pháp hoàn thiện.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
  - Sử dụng số liệu năm 2013
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng.

**CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: **Nguyễn Văn Thụ**

Học hàm, học vị: **Thạc sỹ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn: **Khóa luận tốt nghiệp.**

**Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 07 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

Nguyễn Như Quỳnh

Nguyễn Văn Thụ

***Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2014***

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGUYỄN Trần Hữu Nghị**

## PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

### 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- + Cần cù, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu cho bài viết và luôn có tinh thần học hỏi cao.
- + Luôn viết và nộp bài theo đúng tiến độ do nhà trường, giáo viên hướng dẫn quy định.
- + Luôn chủ động và nghiêm túc trong công tác nghiên cứu.

### 2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Bài viết của sinh viên *Nguyễn Thị Quỳnh* đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận được sắp xếp hợp lý, khoa học với 3 chương:

**Chương 1: Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.** Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

**Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng.** Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán. Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được tương đối chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2013). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

**Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng.** Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tế tại công ty và có tính khả thi cao.

### 3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bảng số: ..... Bảng chữ: .....

Hải Phòng, ngày 24 tháng 06 năm 2014

**Cán bộ hướng dẫn**

**Ths. Nguyễn Văn Thu**

## M Ụ C L Ụ C

### LỜI MỞ ĐẦU

### CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....

1.1.Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....

1.1.1.Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....3

1.1.2.Một số khái niệm thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....4

1.1.3.Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....7

1.1.4.Bán hàng và các phương pháp bán hàng trong doanh nghiệp.....7

1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....8

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu .....9

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng.....9

1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....13

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....16

1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.....20

1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng.....20

1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....22

1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.....24

1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....24

1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....26

1.2.5. Kế toán thu nhập, chi phí khác.....27

1.2.5.1. Kế toán thu nhập khác.....27

1.2.5.2. Kế toán chi phí khác.....29

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....30

1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....33

**CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ & KINH DOANH NHÀ HẢI PHÒNG.....36**

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.....36

2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm hàng hóa.....36

2.2.1.2. Các phương thức bán hàng tại công ty.....36

2.2.1.3. Kế toán doanh thu bán hàng .....37

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....40

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.....42

2.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng.....44

2.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp .....44

2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.....44

2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....54

2.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....61

**CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ & KINH DOANH NHÀ HẢI PHÒNG.....89**

3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH MTV Quản lý & kinh doanh nhà Hải Phòng.....89

3.1.1. Ưu điểm.....89

3.1.2. Nhược điểm.....92

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Quản lý & kinh doanh nhà Hải Phòng.....93

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Quản lý & kinh doanh nhà Hải Phòng.....93

3.2.2. Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán..94



## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng em nhận thấy kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng đóng vai trò vô cùng quan trọng, đây là công cụ giúp cho doanh nghiệp tồn tại và phát triển vững mạnh. Vì vậy em quyết định chọn nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng”**.

### 2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Hệ thống hóa, có phân tích những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp, thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng”.

Trên cơ sở hệ thống hoá, phân tích những vấn đề chung và nghiên cứu khảo sát thực tế về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện kế toán trong lĩnh vực này.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài:

Đối tượng nghiên cứu: Lý luận và thực trạng về tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Phạm vi nghiên cứu: Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng.

### 4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp thống kê, phương pháp biện chứng, phương pháp kế toán...

### 5. Nội dung kết cấu của đề tài

Nội dung của khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận được kết cấu làm ba chương:

**Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

**Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng.**

**Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng.**

Do thời gian thực tập có hạn nên khóa luận tốt nghiệp của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được ý kiến đóng góp của thầy cô và các bạn để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

# CHƯƠNG I

## NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

### 1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

#### 1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có một vai trò vô cùng quan trọng không chỉ đối với mỗi doanh nghiệp mà còn đối với các đối tượng khác như là các nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

- *Đối với các doanh nghiệp:*

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho doanh nghiệp:

- Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp
- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh
- Có căn cứ để thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh
- Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược, giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai

- *Đối với nhà nước:*

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng có ý nghĩa quan trọng đối với nhà nước:

- Trên cơ sở các số liệu về doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách quốc gia. Từ đó, nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về chính trị- an ninh- xã hội tốt nhất.
- Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

- Đối với nhà đầu tư thông qua các chỉ tiêu về doanh thu chi phí và xác định kinh doanh của doanh nghiệp trên các báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

- Đối với các tổ chức tài chính trung gian:

Các số liệu về doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

- Đối với nhà cung cấp:

Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán hoặc trả góp

### **1.1.2. Một số khái niệm thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

#### **1.1.2.1 Doanh thu và thu nhập**

**Doanh thu và thu nhập:** là tổng hợp các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kì kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

#### **Các khoản giảm từ doanh thu:**

- Chiết khấu thương mại: là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua đã mua hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

- Hàng bán bị trả lại: là giá trị khối lượng hàng đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và bị từ chối thanh toán do các nguyên nhân: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Giá trị của hàng hóa bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kì kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hóa đã bán ra trong kì báo cáo.

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận 1 cách đặc biệt trên giá bán đã thỏa thuận trong hóa đơn, vì lí do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách đã ghi trong hợp đồng.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích như: rượu, bia, thuốc lá...

➤ Thuế xuất khẩu là loại thuế đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

➤ Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kì báo cáo.

**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm trừ doanh thu.

**Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng 1 công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ

**Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu hoạt động tài chính là số tiền thu được từ các hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như lãi tiền gửi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

**Thu nhập khác** là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít khả năng thực hiện hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên. Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm: khoản thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý, xóa sổ, các khoản thuế được NSNN hoàn lại; thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ, các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm dịch vụ không tính vào doanh thu (nếu có); thu nhập quà biếu quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp; các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra...

**Chi phí** là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kì kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu. Chi phí bao gồm các khoản sau:

**Giá vốn hàng bán:** Là trị giá thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kì đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã

được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kì.

**Chi phí bán hàng:** là những chi phí chi ra trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

**Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các chi phí phục vụ cho quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

**Chi phí hoạt động tài chính:** là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kì hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính doanh nghiệp. Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán, chi phí lãi vay, vốn kinh doanh các khoản dài hạn và ngắn hạn; chi phí hoạt động liên doanh; chi phí cho vay vốn...

**Chi phí khác:** là các khoản chi phí của hoạt động phát sinh ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh để tạo doanh thu của doanh nghiệp, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bỏ sót từ những năm trước.

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm

- Chi phí thuế TNDN hiện hành: là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại: là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ ghi nhận thuế TNDN hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

### **Xác định kết quả kinh doanh**

**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:** là số chênh lệch giữa doanh thu thuần trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ,

giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

**Kết quả hoạt động tài chính** là số chênh lệch giữa thu nhập tài chính và chi phí tài chính.

**Kết quả hoạt động khác**: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác với các khoản chi phí khác.

### **1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị...

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời phải theo dõi thật chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng để thu hồi kịp thời vốn kinh doanh.

- Phản ánh đầy đủ các chi phí phát sinh như: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, cũng như các chi phí khác để làm cơ sở xác định kết quả kinh doanh.

- Xác định chính xác kết quả kinh doanh, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, lợi nhuận, phân phối lợi nhuận, tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước, cung cấp thông tin cho việc lập báo cáo tài chính.

### **1.1.4. Bán hàng và các phương pháp bán hàng trong doanh nghiệp.**

#### **a. Khái niệm**

**Bán hàng** là khâu cuối cùng trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thương mại, là quá trình người bán chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá cho người mua để nhận quyền sở hữu về tiền tệ hoặc quyền đòi tiền ở người mua.

#### **b. Các phương thức bán hàng**

**\*Phương thức bán hàng trực tiếp**: là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản

phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng này. Bán hàng trực tiếp còn bao gồm bán buôn và bán lẻ, trong đó:

+Bán buôn: là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện hoàn toàn. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

+Bán lẻ: là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và được quyền sở hữu tiền tệ.

**\*Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:** theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

**\*Phương thức bán hàng qua đại lý:** là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

**\*Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:** theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm 1 phần doanh thu gốc và 1 phần lãi suất trả chậm.

**\*Phương thức hàng đổi hàng:** là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

**\*Phương thức tiêu thụ nội bộ:** là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng 1 tổng công ty, 1 tập đoàn, 1 xí nghiệp...

**1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**



### **1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.**

#### **1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ**

##### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng: là tổng giá trị thực hiện được do việc bán hàng hóa cho khách hàng mang lại.

##### **Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### **Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, hoặc thuế XK thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm cả thuế TTĐB, hoặc thuế XK)
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có thuế GTGT.
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có thuế).
- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, kí gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.
- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.
- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu

chưa thực hiện phân lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

### **Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ**

#### **\*Chứng từ kế toán sử dụng**

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTGT-3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT-3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Hợp đồng mua bán, biên bản bàn giao hàng hóa.

- Các chứng từ thanh toán như: phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng...

- Các chứng từ liên quan như: phiếu xuất kho bán hàng, hóa đơn vận chuyển...

#### **\*Tài khoản dụng:**

### **TK511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"**

Tài khoản này phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kì kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và nghiệp vụ:

- Bán hàng: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, sản phẩm mua vào, bất động sản đầu tư...

- Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng theo một kì hoặc nhiều kì kế toán như: cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

#### **Kết cấu TK 511:**

**Bên Nợ :** + Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu và thuế GTGT được tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của DN trong kỳ.

+ Kế toán giảm giá hàng bán, trị giá hàng bán bị trả lại, chiết khấu thương mại.

+ Kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

**Bên Có :** + Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 511 không có số dư cuối kì.

\* Các tài khoản cấp 2:

TK5111-Doanh thu bán hàng hóa

TK5112-Doanh thu bán thành phẩm

TK5113-Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK5114-Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK5117-Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

TK5118-Doanh thu khác

### **TK512”Doanh thu bán hàng nội bộ”**

Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ. Vì vậy tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp.

*Kết cấu TK 512:*

#### ***Bên Nợ :***

+ Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ.

+ Số thuế TTĐB, số thuế GTGT theo PP trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

+ Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911

#### ***Bên Có:***

+ Doanh thu bán hàng nội bộ của DN thực hiện trong kỳ kế toán.

*TK 512 không có số dư cuối kì.*

\* Các tài khoản cấp 2:

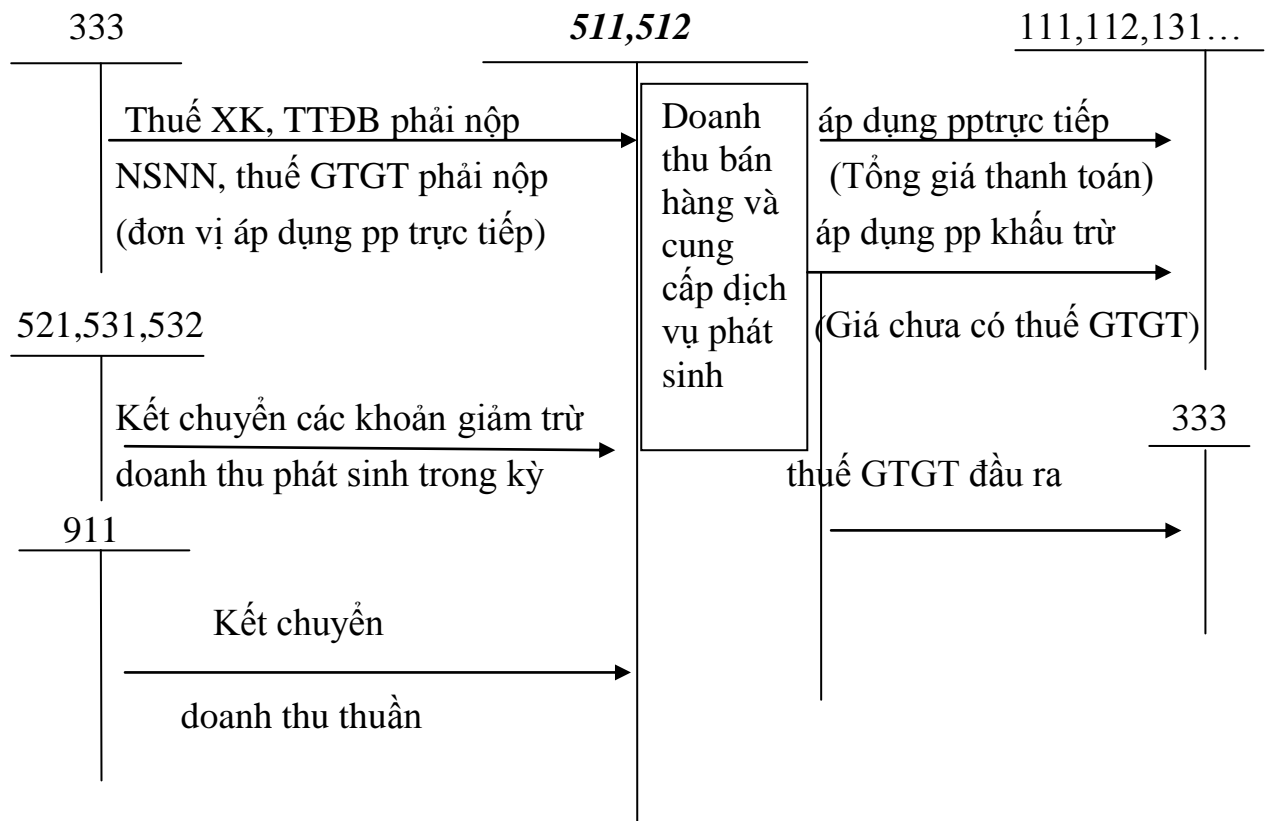
TK5121-Doanh thu bán hàng hóa

TK5122-Doanh thu bán thành phẩm

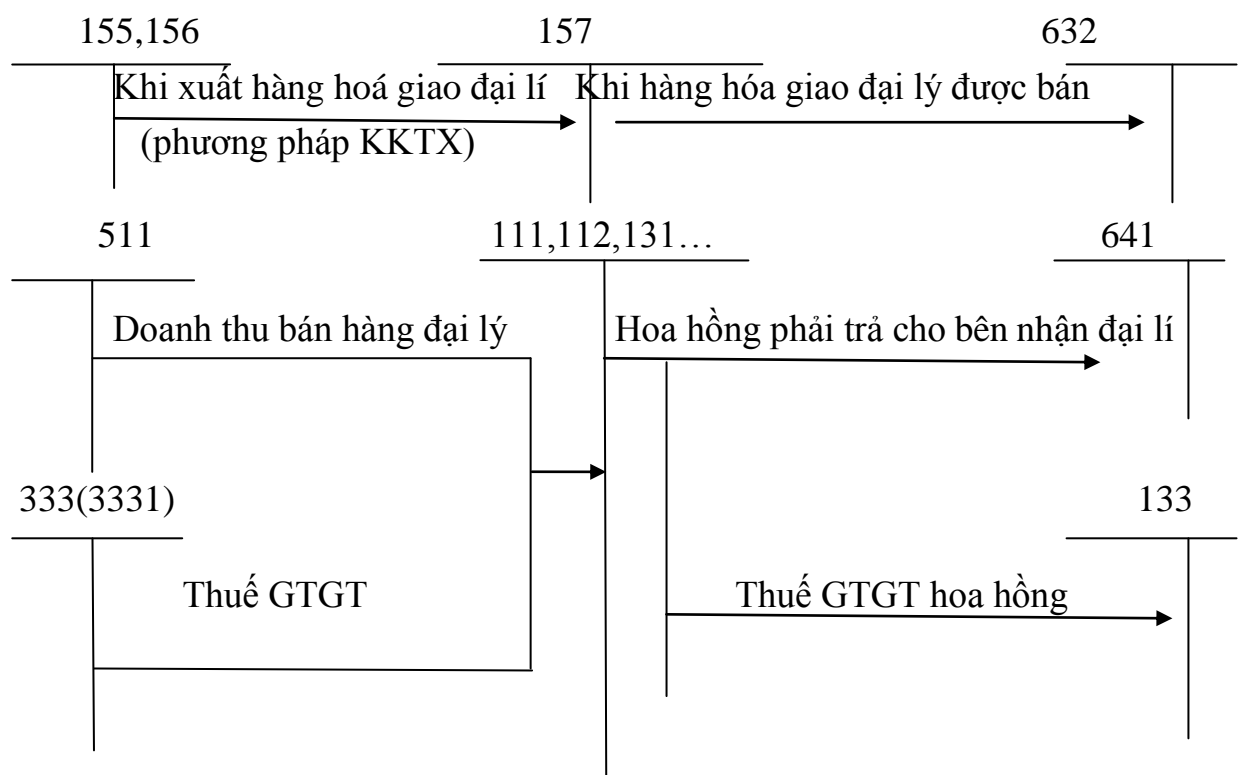
TK5123-Doanh thu cung cấp dịch vụ

### ***Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

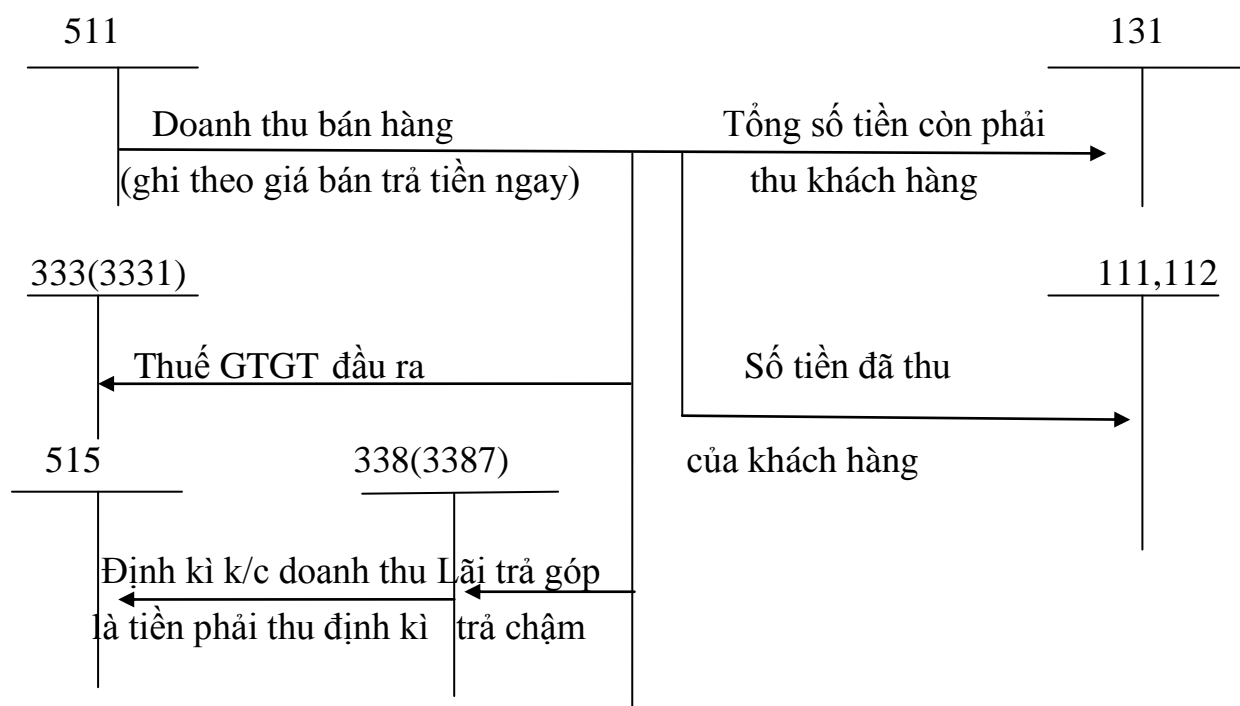
**Kế toán hàng bán theo phương thức trực tiếp**



**Kế toán hàng bán thông qua đại lý (theo phương thức bán đúng giá hoa hồng)**



**Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm (hoặc trả góp)**



**1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

➤ **Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:**

- **Chiết khấu thương mại:** là khoản mà người bán thường cho người mua, do người mua đã mua hàng ( sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn trong thời gian nhất định theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết về mua, bán hàng.

- **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp: hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn... đã ghi trong hợp đồng.

- **Hàng bán bị trả lại:** là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách trả lại và bị từ chối thanh toán do các nguyên nhân sau: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách, chủng loại...

**\*Chứng từ kế toán sử dụng**

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01/GTKT- 3LL)
- Các chứng từ thanh toán như: phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng...

- Các chứng từ liên quan như: phiếu nhập kho hàng bị trả lại...

**\*Tài khoản sử dụng**

**-TK521”Chiết khấu thương mại”**

Tài khoản này phản ánh số tiền doanh nghiệp giảm giá cho khách hàng mua với số lượng lớn.

*Kết cấu TK 521:*

**Bên Nợ:**

+ Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng

**Bên Có:**

+ Kết chuyển sang TK511 xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

*TK 521 không có số dư cuối kì.*

*\* Các tài khoản cấp 2:*

TK5211-Chiết khấu thương mại

TK5212-Chiết khấu thành phẩm

TK5213-Chiết khấu dịch vụ

**-TK531”Hàng bán bị trả lại”**

Tài khoản này chỉ phản ánh giá trị của số hàng đã bán bị trả lại (tính đúng đơn giá bán ghi trên hóa đơn). Các khoản chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào tài khoản 641”chi phí bán hàng”.

*Kết cấu TK 531:*

**Bên Nợ:** + Tập hợp doanh thu của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại.

**Bên Có:** + Kết chuyển doanh thu của số hàng bán bị trả lại.

*TK 531 không có số dư cuối kì.*

**-TK532”Giảm giá hàng bán”**

Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng kém, mất phẩm chất...

*Kết cấu TK 532:*

**Bên Nợ:**+ Tập hợp các khoản giảm giá hàng bán chấp thuận cho người mua

**Bên Có:** + Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán sang TK 511 để xác định doanh thu thuần.

*TK 532 không có số dư cuối kì.*

Ngoài ra còn có các khoản giảm trừ doanh thu như:

**Thuế tiêu thụ đặc biệt (TK 3332):** là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích như: bia, rượu, thuốc lá...

**Thuế xuất khẩu (TK 3333):** là loại thuế đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

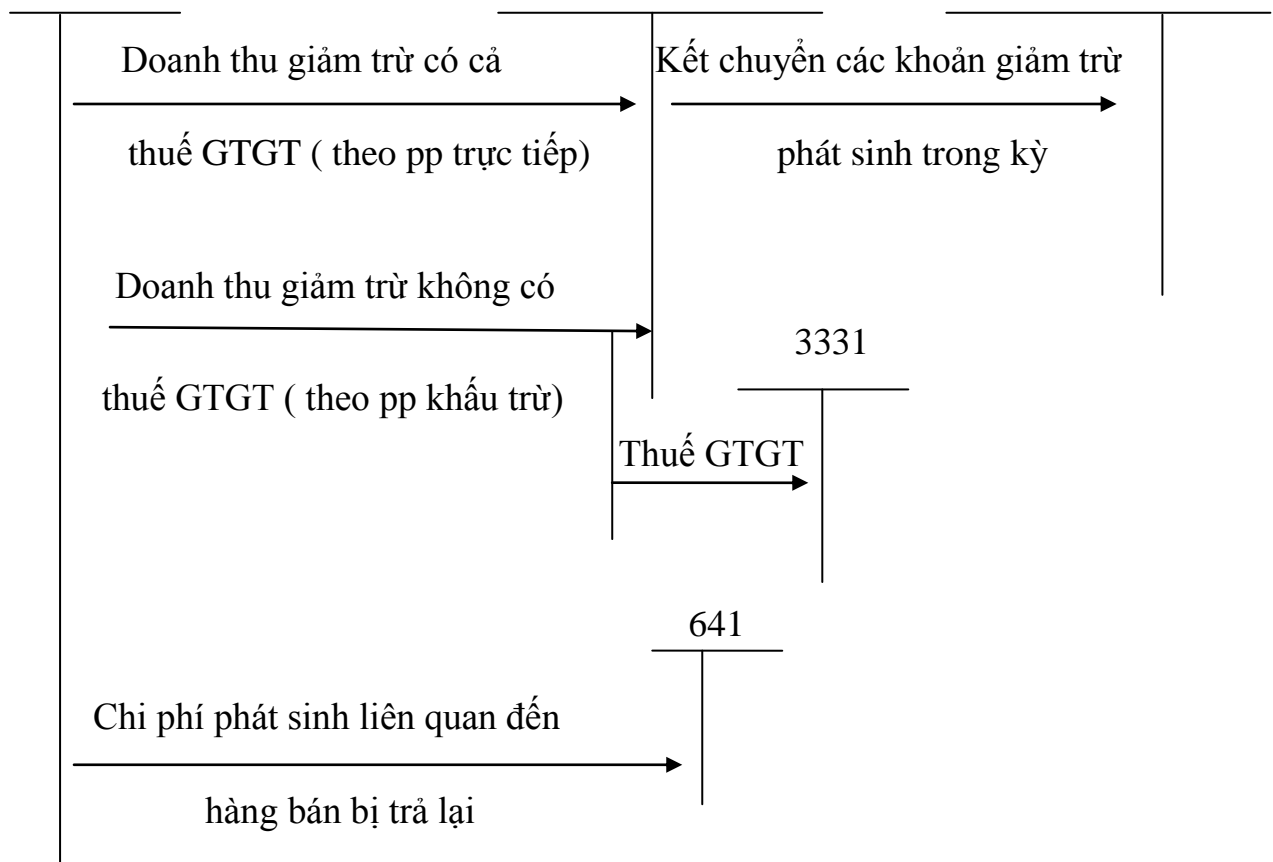
**Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp (TK3331):** là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kì báo cáo.

**Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu**

111, 112, 131

521, 531, 532

511, 512



### 1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

- Đối với doanh nghiệp sản xuất: trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành sản phẩm thực tế của sản phẩm hoàn thành.

- Đối với doanh nghiệp thương mại: trị giá vốn hàng bán xuất kho để bán bao gồm trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Các phương pháp tính giá vốn hàng bán

#### *Phương pháp nhập trước-xuất trước (FIFO)*

Theo phương pháp này kế toán giả định hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kì sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kì.

#### *Phương pháp nhập sau-xuất trước (LIFO)*

Theo phương pháp này kế toán giả định hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên. Xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Giá thực tế của hàng nhập sau sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kì sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần đầu hoặc gần đầu kì.

#### *Phương pháp thực tế đích danh*

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

#### *Phương pháp bình quân gia quyền*

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

Trị giá thực tế hàng xuất kho = Số lượng hàng xuất kho x Đơn giá bình quân

- Nếu đơn giá bình quân được tính cho cả kì được gọi là phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ:

$$\text{Đơn giá BQ cả kì} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kì} + \text{Trị giá hàng nhập trong kì}}{\text{Số lượng tồn đầu kì} + \text{Số lượng nhập trong kì}}$$



- Nếu đơn giá bình quân được tính cho từng lần nhập (nghĩa là sau mỗi lần nhập kế toán phải tính toán lại giá đơn vị bình quân 1 lần) được gọi là phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{trị giá thực tế HTK sau lần nhập } i}{\text{lượng thực tế HTK sau lần nhập } i}$$

**\*Chứng từ kế toán sử dụng**

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT- 3LL), hợp đồng kinh tế
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT), phiếu chi
- Các chứng từ có liên quan

**\*Tài khoản sử dụng**

**TK632”Giá vốn hàng bán”**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kì. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

*Kết cấu của TK 632:*

**Bên Nợ :**

- + Phản ánh giá vốn sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ
- + Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào giá trị hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.
- + Phản ánh chi phí xây dựng, tự chế tài sản cố định vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế tạo hoàn thành.
- + Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản dự phòng đã lập năm trước.

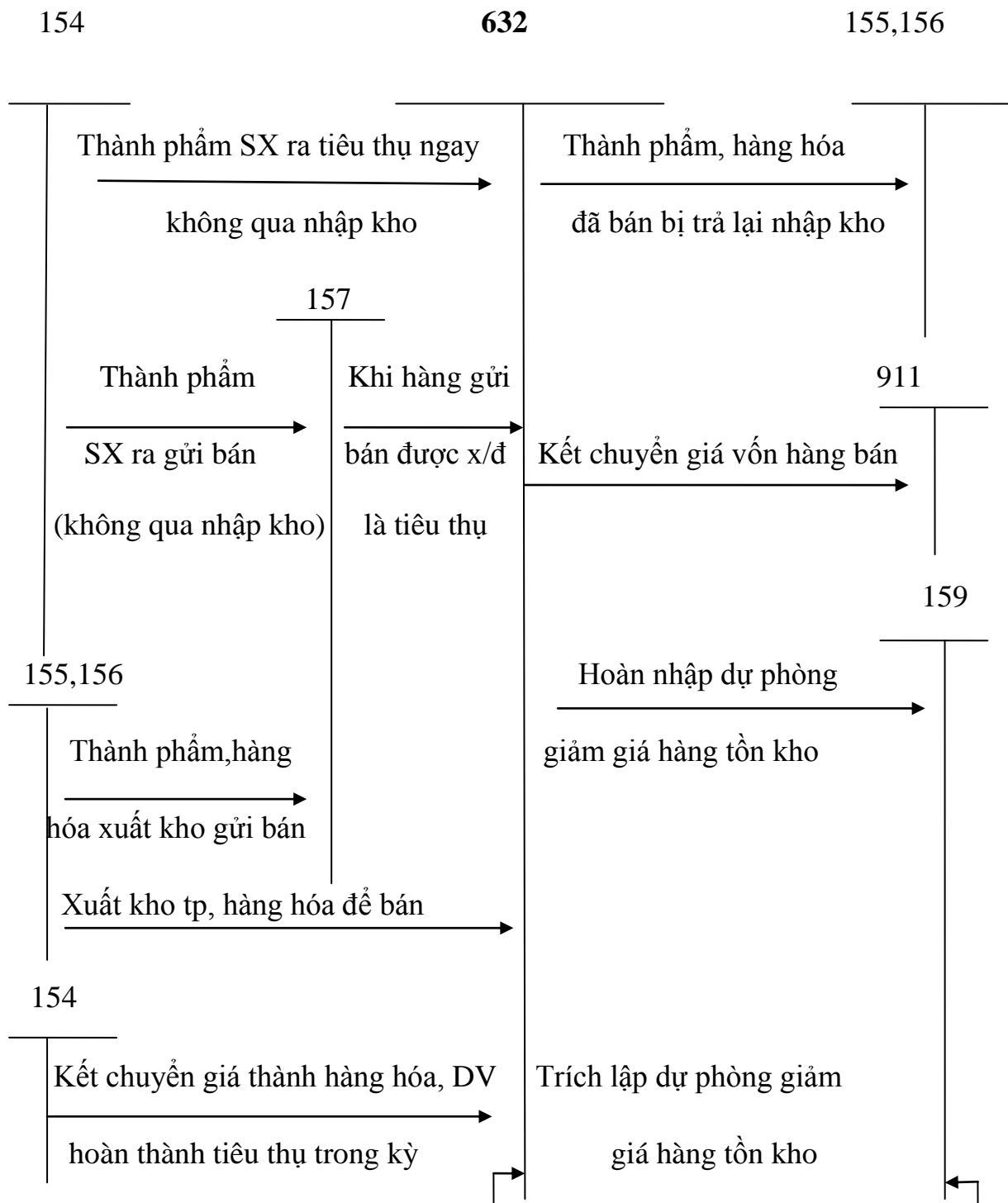
**Bên Có :**

- + Phản ánh các khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm.
- + Giá vốn của hàng bán bị trả lại

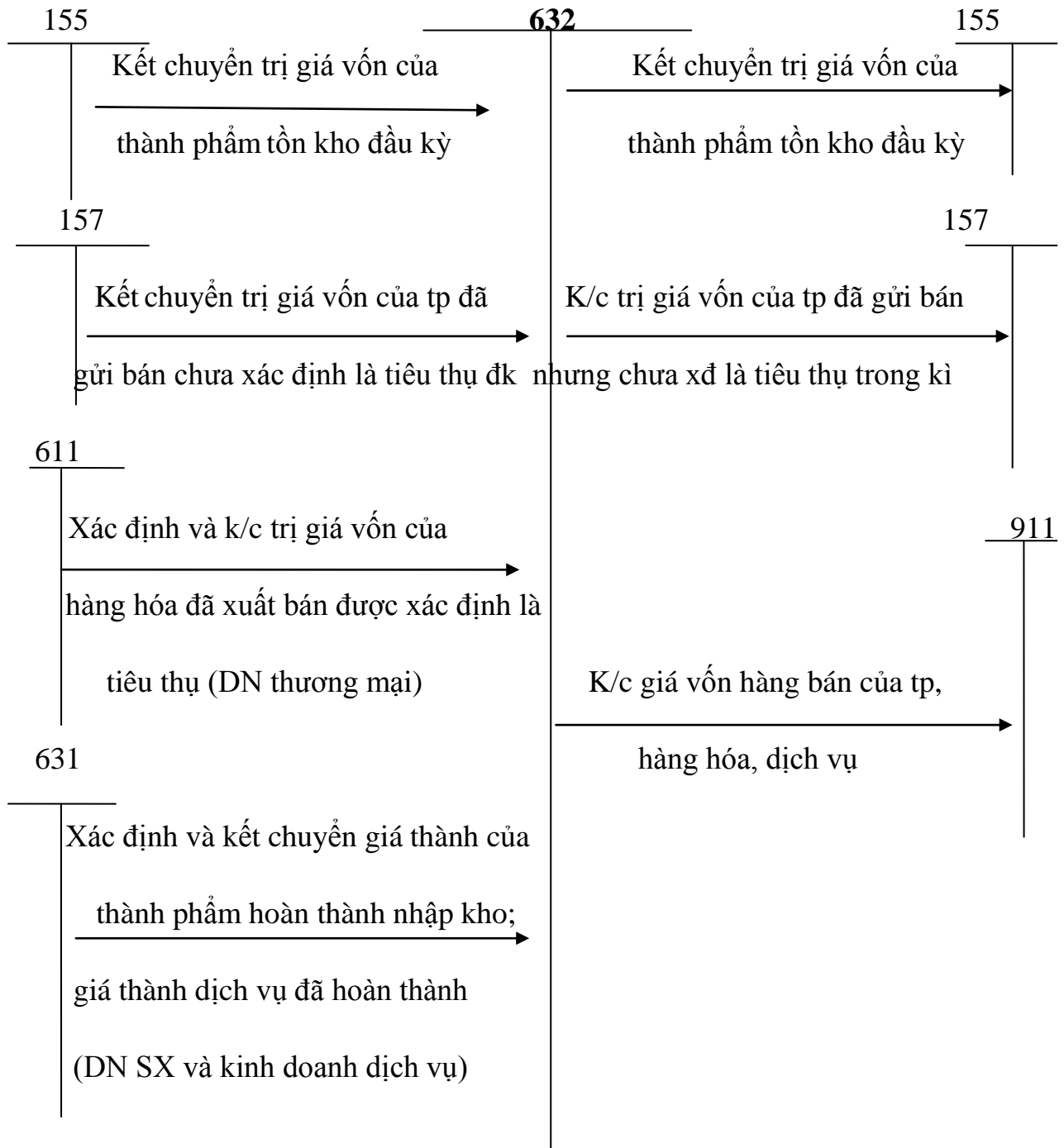
+ Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ và toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ sang TK911 TK 632 không có số dư cuối kỳ.

**Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ**

**Theo phương pháp kê khai thường xuyên**



Theo phương pháp kiểm kê định kỳ



### 1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng

Để phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được thuận lợi, đạt được những mục tiêu danh lợi đã đặt ra, doanh nghiệp phải bỏ ra các chi phí để thực hiện công tác tiếp thị, quảng cáo, bao gói, chi phí bảo hành... gọi chung là chi phí bán hàng. Nói một cách cụ thể hơn, chi phí bán hàng là chi phí lưu thông và chi phí tiếp thị phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm.

Chi phí bán hàng là chi phí thời kì nên khi phát sinh chi phí bán hàng trong kì phải tiến hành phân loại và tổng hợp theo quy định. Cuối kì hạch toán, chi phí bán hàng cần được phân bổ, kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Việc tính toán, phân bổ và kết chuyển chi phí bán hàng được vận dụng tùy theo loại hình và điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp.

#### *\*Chứng từ kế toán sử dụng*

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT- 3LL)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 - VT)
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11- LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ ( Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Các chứng từ có liên quan...

#### *\*Tài khoản sử dụng*

Doanh nghiệp sử dụng **TK641** để hạch toán chi phí bán hàng.

*Kết cấu TK 641:*

**Bên Nợ :** + Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ.

**Bên Có :**

- + Các khoản giảm chi phí bán hàng (nếu có)
- + Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ vào bên Nợ TK 911.

*TK 641 không có số dư cuối kì và chi tiết 7 TK cấp 2*

TK6411-Chi phí nhân viên

TK6412-Chi phí vật liệu bao bì

TK6413-Chi phí dụng cụ, đồ dùng

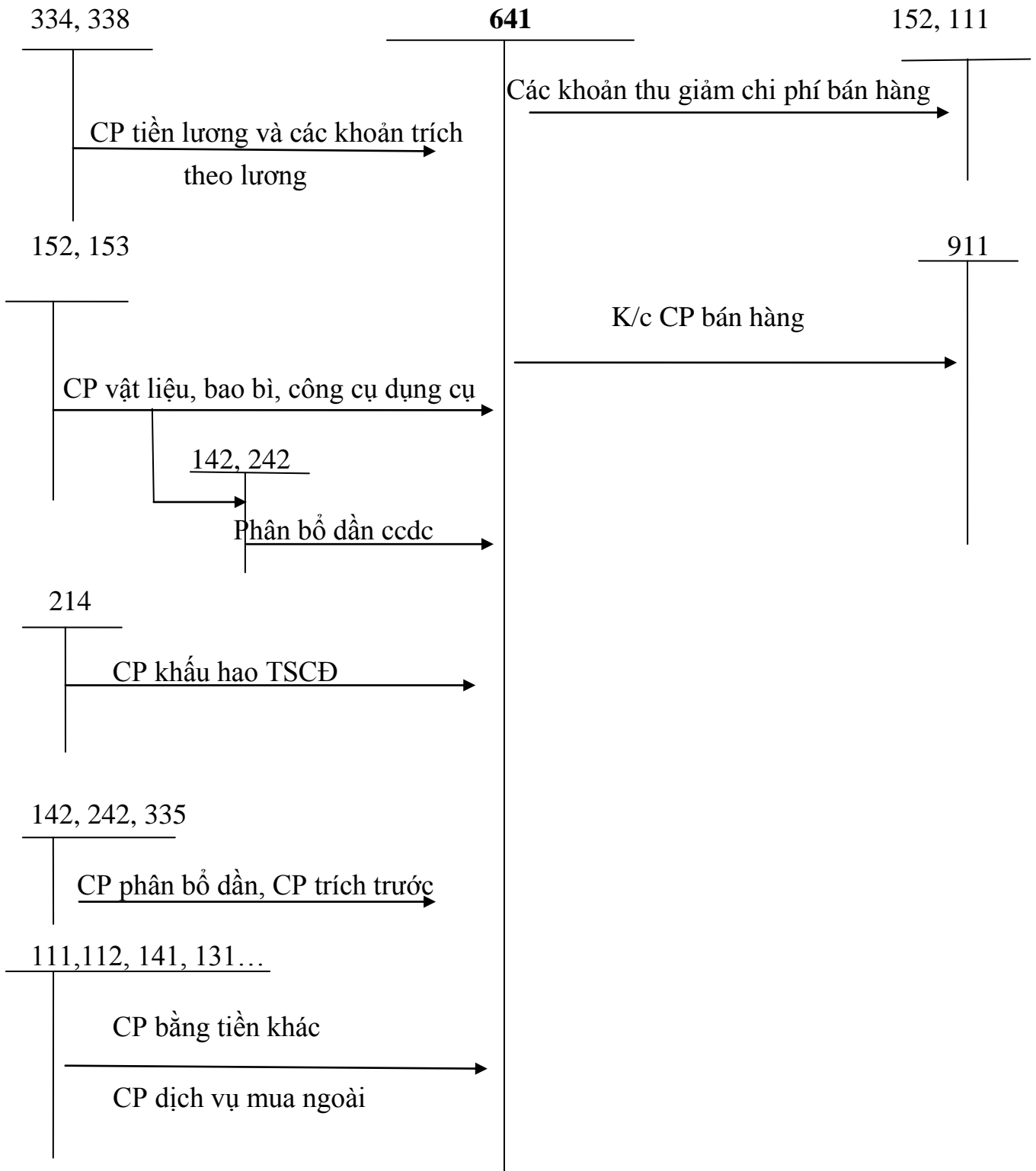
TK6414-Chi phí khấu hao TSCĐ

TK6415-Chi phí bảo hành sản phẩm

TK6417-Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK6418-Chi phí bằng tiền khác

**Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng**



**1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.**

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp như: chi phí tiền lương nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, các khoản trích bảo hiểm theo lương, dịch vụ mua ngoài...

**\*Chứng từ kế toán sử dụng**

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH ( Mẫu số 11-LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ)
- Bảng phân bổ NVL – công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07- VT)
- Các chứng từ có liên quan: Phiếu chi, giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng...

**Tài khoản sử dụng**

Doanh nghiệp sử dụng TK642 để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

*Kết cấu TK 642:*

**Bên Nợ :**

- + Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- + Dự phòng trợ cấp mất việc làm.
- + Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.

**Bên Có :**

- + Các khoản được phép ghi giảm chi phí quản lý (nếu có)
- + Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ vào bên Nợ TK911.

*TK 642 không có số dư và chi tiết các tài khoản cấp 2:*

TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý

TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý

TK 6423 - Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng

TK 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6425 - Thuế, phí, lệ phí

TK 6426 - Chi phí dự phòng

TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài

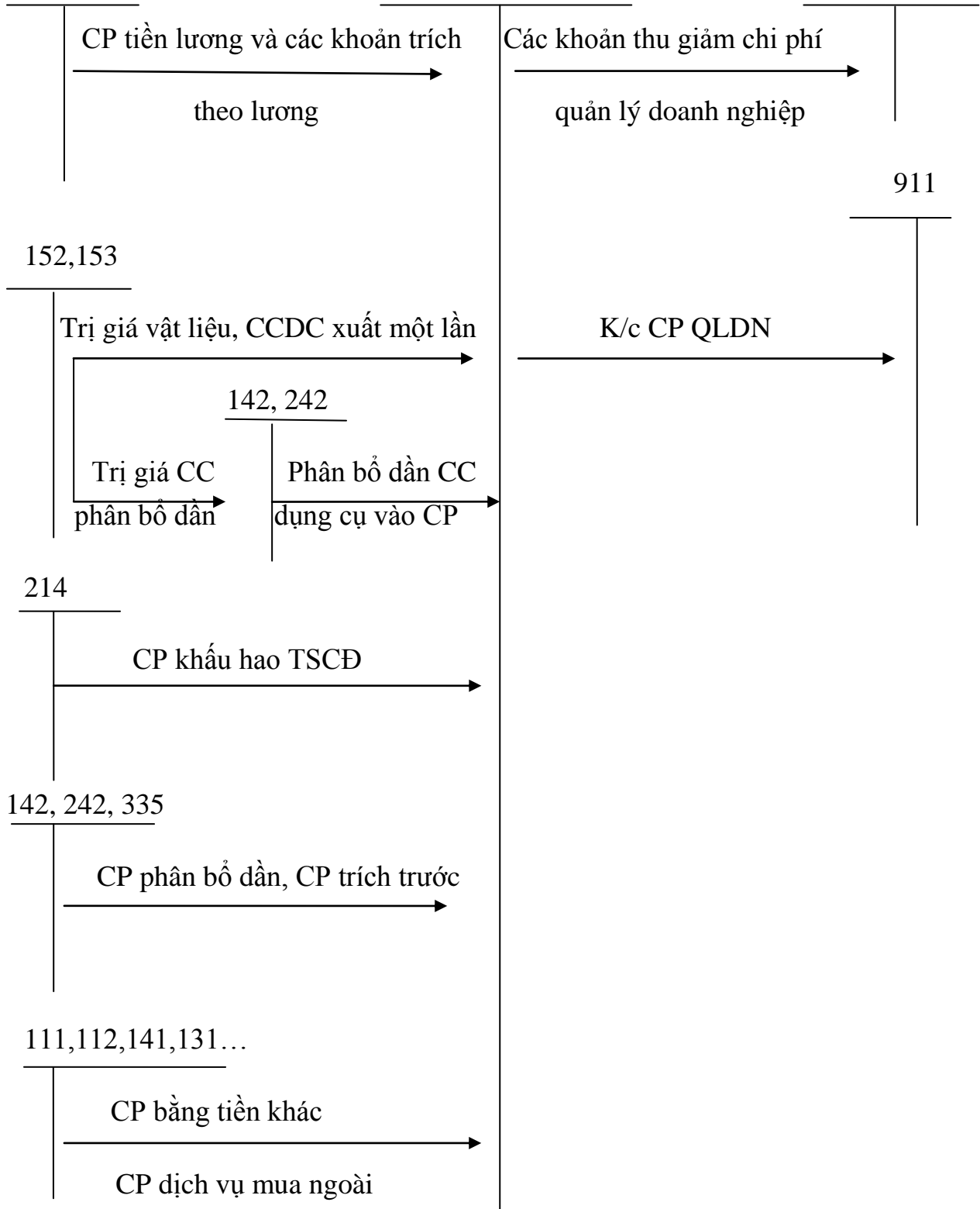
TK 6428 - Chi phí khác bằng tiền

**Phương pháp hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.**

334, 338

642

111,112



## 1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

### 1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu từ: tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, cổ tức lợi nhuận được chia, thu nhập từ hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán, chênh lệch do bán ngoại tệ...

\* Chứng từ kế toán sử dụng

- Giấy báo Có
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT- 3LL)
- Phiếu thu (Mẫu số 01-TT)
- Các hợp đồng vay vốn
- Các chứng từ liên quan khác...

\* Tài khoản sử dụng:

#### **TK 515 “ Doanh thu hoạt động tài chính”**

*Kết cấu của TK515*

**Bên Nợ:**

- +Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp nếu có
- +Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK911

**Bên Có:**

+Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh.

+Chiết khấu thanh toán được hưởng

+Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh của hoạt động kinh doanh, phát sinh khi bán ngoại tệ, do đánh giá lại các khoản mục có nguồn gốc ngoại tệ

+Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động).

+Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kì.

*TK515 không có số dư cuối kì.*

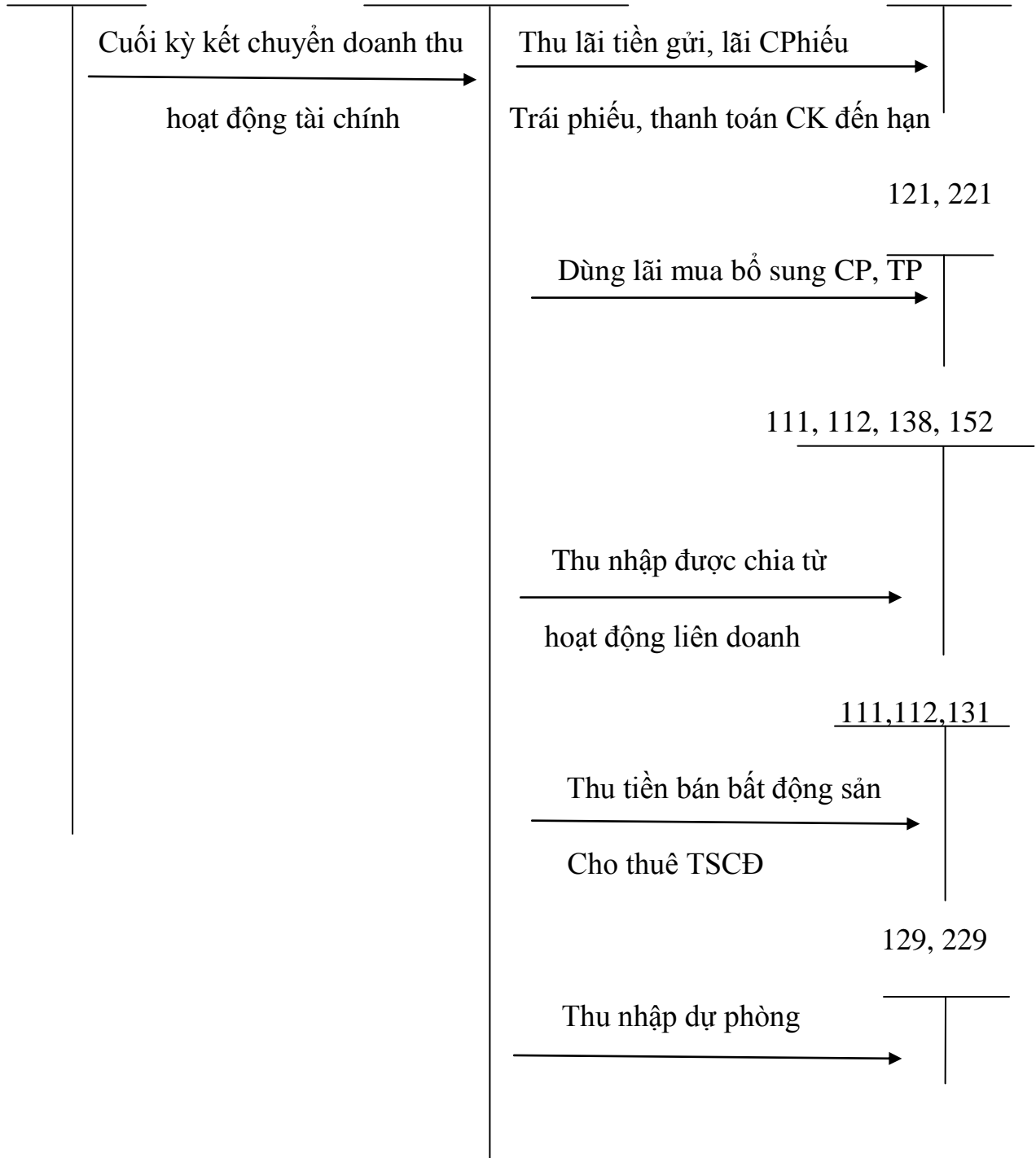


**Phương pháp hạch toán Doanh thu hoạt động tài chính.**

911

515

111,112



**1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính**

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính như: chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, các khoản phát sinh lỗ khi bán ngoại tệ...

**\* Chứng từ kế toán sử dụng**

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT- 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu số 02-TT), giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

**\* Tài khoản sử dụng****TK 635” Chi phí hoạt động tài chính “****Kết cấu TK635****Bên Nợ:**

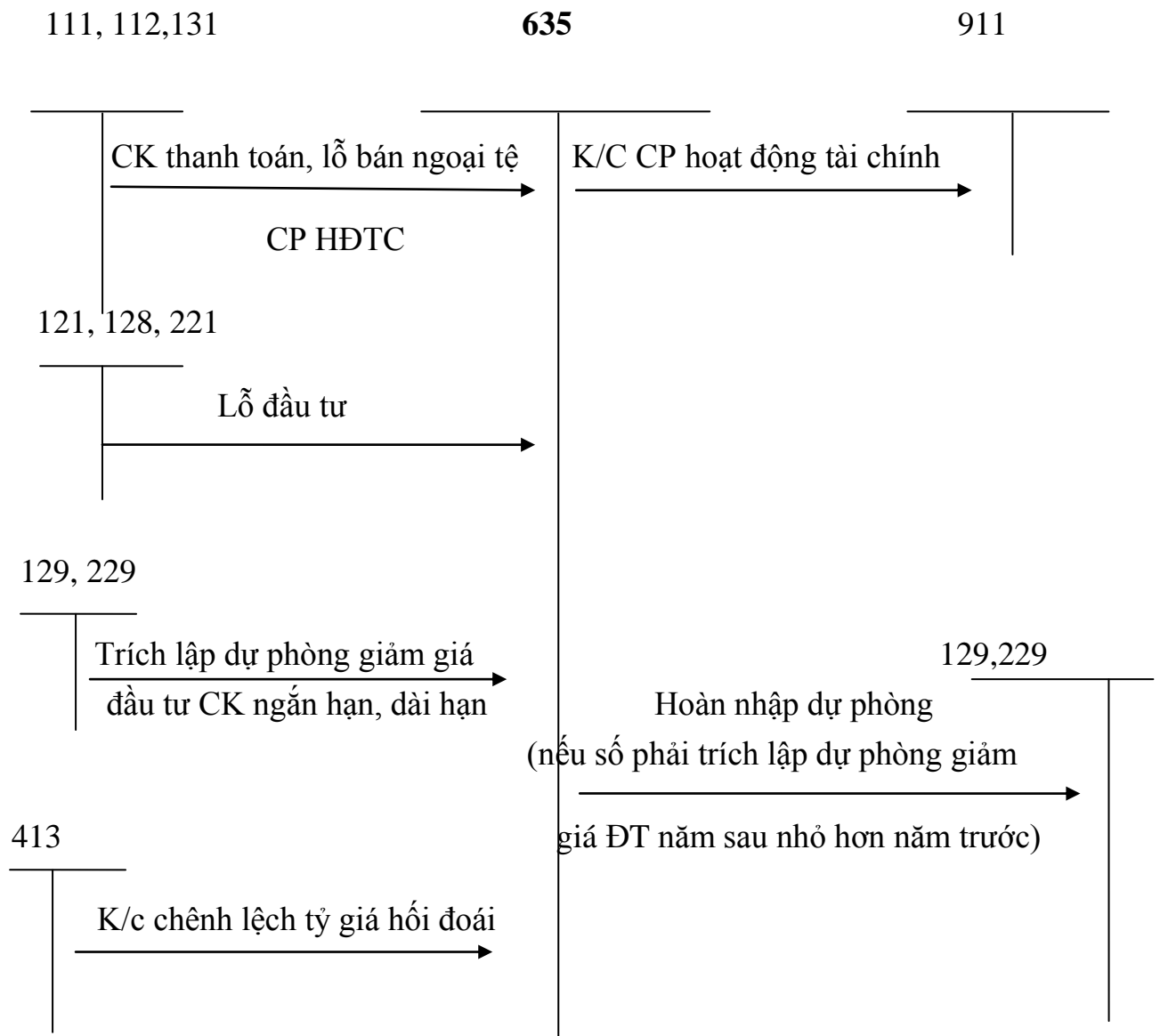
- +Chi phí tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính
- +Lỗ bán ngoại tệ
- +Chiết khấu thanh toán cho người mua
- +Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư
- +Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
- +Các khoản chi phí khác của hoạt động đầu tư tài chính

**Bên Có:**

- +Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
- +Cuối kì kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kì để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

*TK635 không có số dư cuối kì.*

**Phương pháp hạch toán Chi phí hoạt động tài chính**



**1.2.5. Kế toán thu nhập, chi phí khác**

**1.2.5.1. Kế toán thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp như: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu nhập từ quà biếu tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho

**\* Chứng từ kế toán sử dụng**

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT- 3LL)
- Phiếu thu (Mẫu số 01-TT), biên bản bàn giao tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan

**\* Tài khoản sử dụng TK 711 “Thu nhập khác”**

*Kết cấu TK711*

**Bên Nợ:**

+ Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

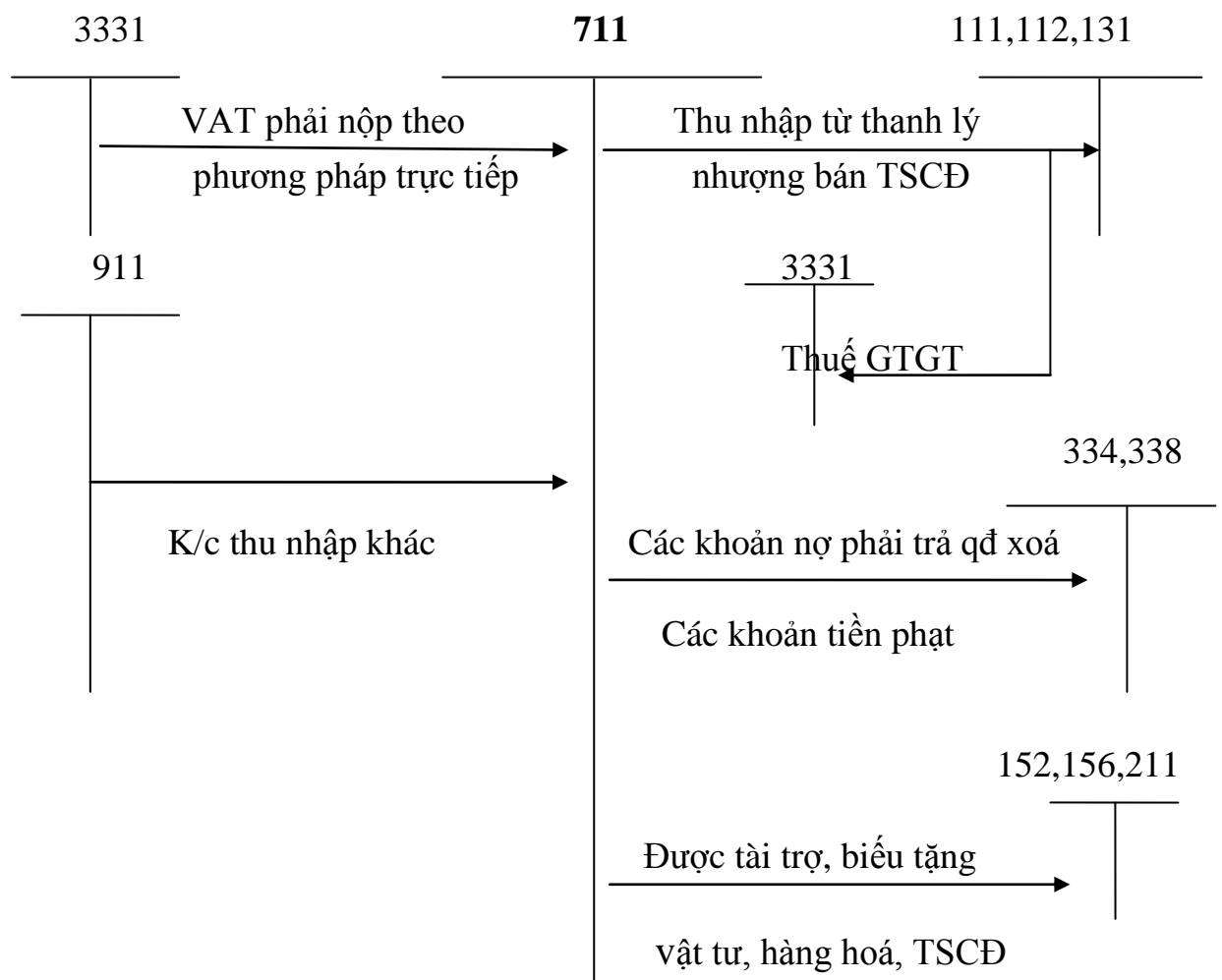
+Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

**Bên Có:**

+Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

*Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ*

**Phương pháp hạch toán kế toán thu nhập khác**



### **1.2.5.2. Kế toán chi phí khác**

Chi phí khác là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, các khoản chi phí khác...

**\* Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Phiếu chi (Mẫu số 02-TT), biên bản thanh lý tài sản cố định
- Các chứng từ khác liên quan.

**\* Tài khoản sử dụng:**

**TK 811 “ chi phí khác”**

*Kết cấu của TK811:*

***Bên Nợ:***

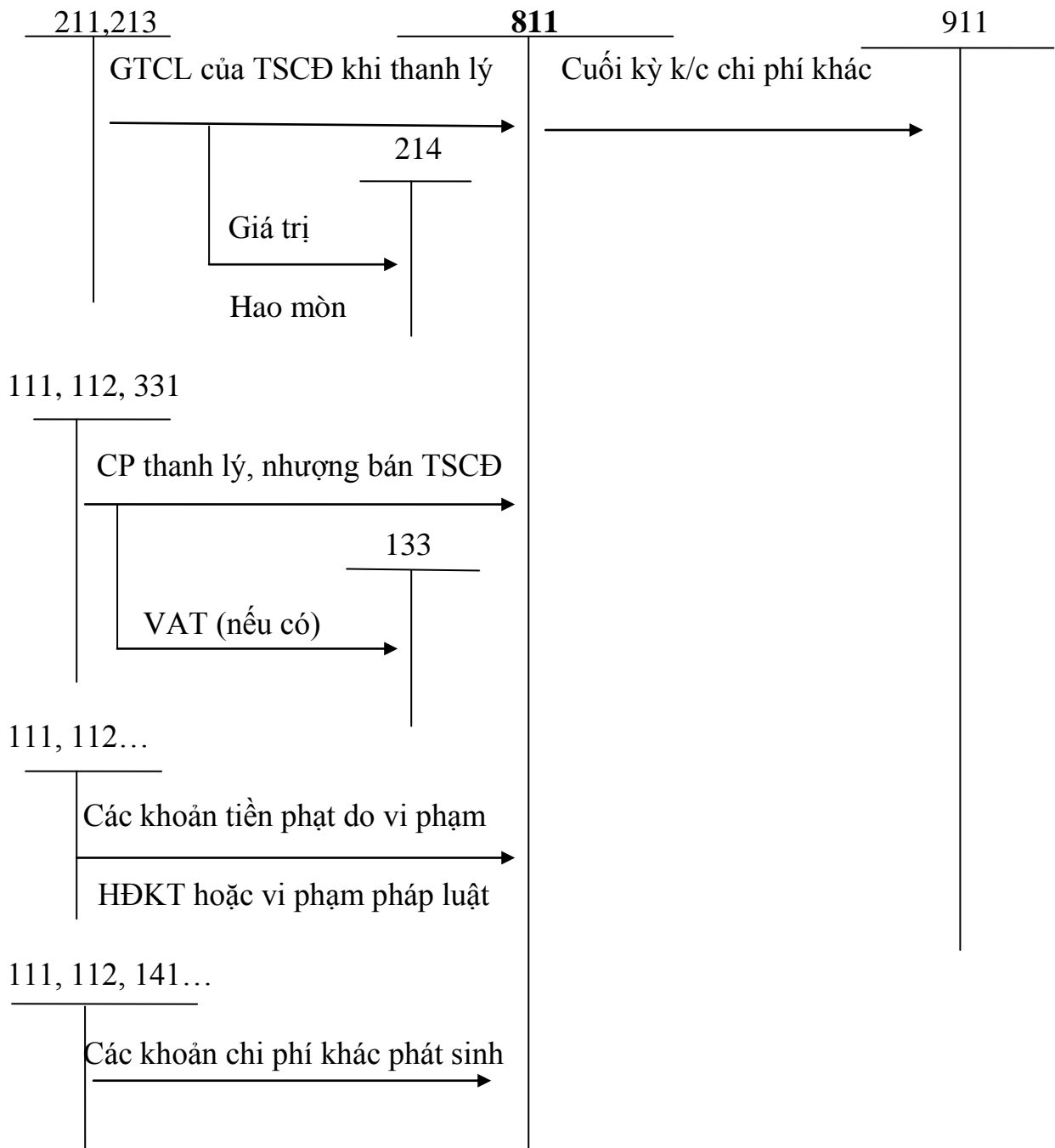
+Các khoản chi phí khác phát sinh

***Bên có:***

+Cuối kì, chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kì vào TK 911 ”Xác định kết quả kinh doanh”.

*Tài khoản 811 không có số dư.*

**Phương pháp hạch toán Chi phí khác**



**1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

\*Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh còn được gọi là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

*Kết quả DT thuần*

*hoạt động SXKD = từ BH và cung cấp DV*      *Giá vốn hàng bán*      *Chi phí bán hàng*      *Chi phí quản lý doanh nghiệp*

Trong đó:

*Doanh thu thuần từ BH và cung cấp DV*      *Tổng DT bán hàng và cung cấp DV*      *Các khoản giảm trừ doanh thu*

\***Kết quả hoạt động tài chính:** là số chênh lệch giữa Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính.

*Kết quả hoạt động tài chính = Doanh thu tài chính - Chi phí tài chính*

\* **Kết quả hoạt động khác:** được tính bằng số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

*Kết quả hoạt động khác = Thu nhập khác - Chi phí khác*

\***Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN**      *Kết quả từ hoạt động BH & cung cấp DV*      +      *Kết quả từ hoạt động tài chính*      +      *Kết quả từ hoạt động khác*

\***Lợi nhuận sau thuế TNDN**      *Lợi nhuận trước thuế TNDN*      -      *Chi phí thuế TNDN*

**\*Chứng từ kế toán sử dụng**

-Phiếu kế toán

- Các bảng phân bổ chi phí gồm: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác kết chuyển để xác định KQKD.

- Các bảng phân bổ doanh thu và thu nhập thuần kết chuyển để xác định KQKD.

- Các chứng từ khác có liên quan.

**\*Tài khoản sử dụng**

**TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh “**

Tài khoản này dùng để xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

*Kết cấu TK 911:*

***Bên Nợ :***

+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ và toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ

+ Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế TNDN.

+ Lãi sau thuế các hoạt động khác trong kỳ

**Bên Có:**

+ Doanh thu thuần về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ và doanh thu thuần kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ

+ Doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác

+ Lãi về các hoạt động trong kỳ

*TK 911 không có số dư.*

**TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối ”**

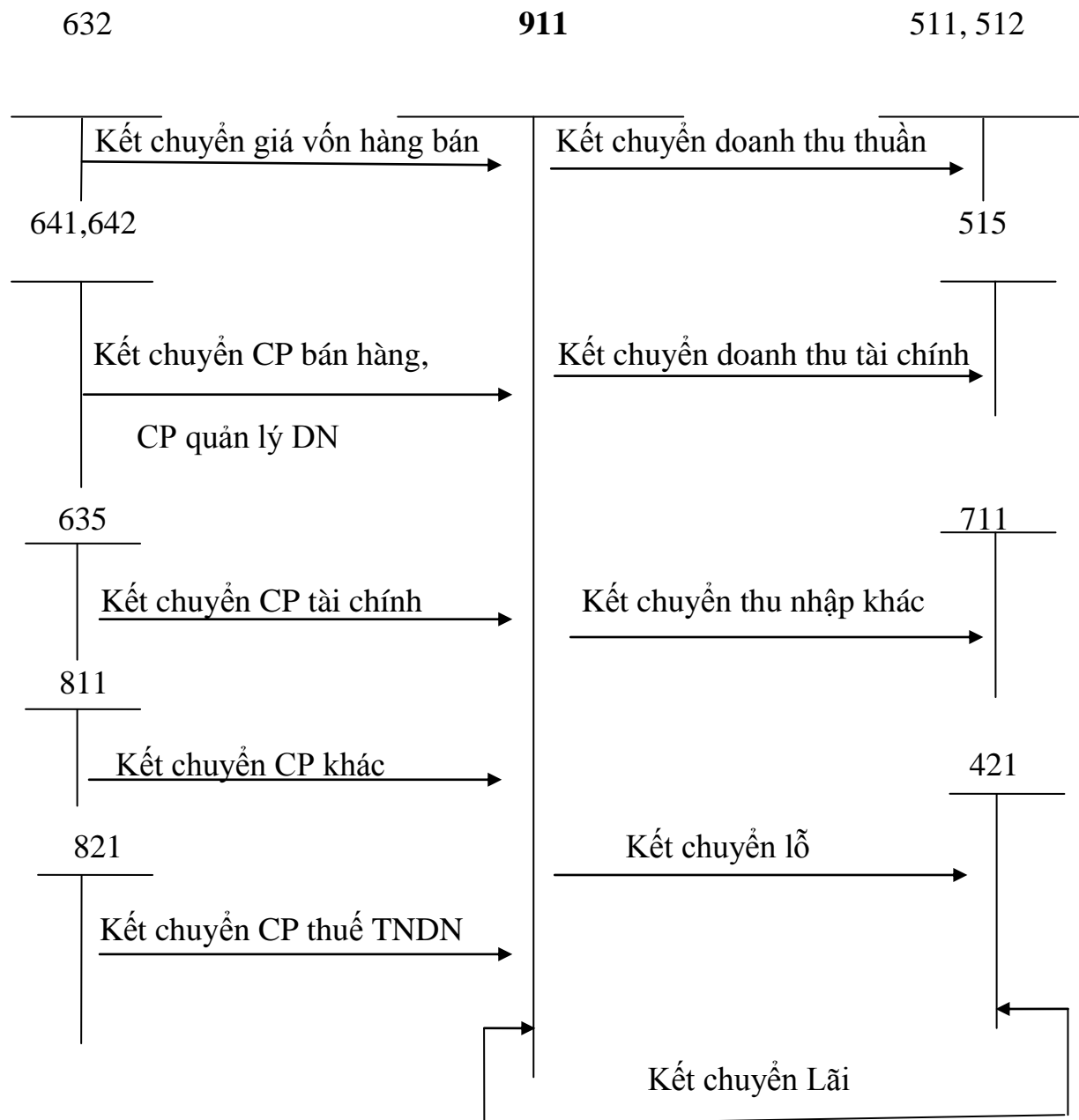
Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh cuối cùng và tình hình phương pháp xử lý kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

+ TK 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước

+ TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay



**Phương pháp hạch toán**



**1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

**\*Sổ sách kế toán**

Sổ kế toán bao gồm: Sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

- Sổ kế toán tổng hợp gồm: Sổ Nhật kí chung, sổ Cái

- Sổ kế toán chi tiết gồm: Thẻ kho, Sổ chi tiết vật liệu, Sổ chi tiết giá vốn hàng bán (TK 632), Sổ chi tiết bán hàng (TK 511), Sổ chi tiết thanh toán với người mua (TK 131), bản kê, chứng từ ghi sổ,...

### \* Hình thức sổ kế toán

Doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung;
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái;
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ;
- Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ;
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Sau đây bài viết xin trình bày về hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

### **TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

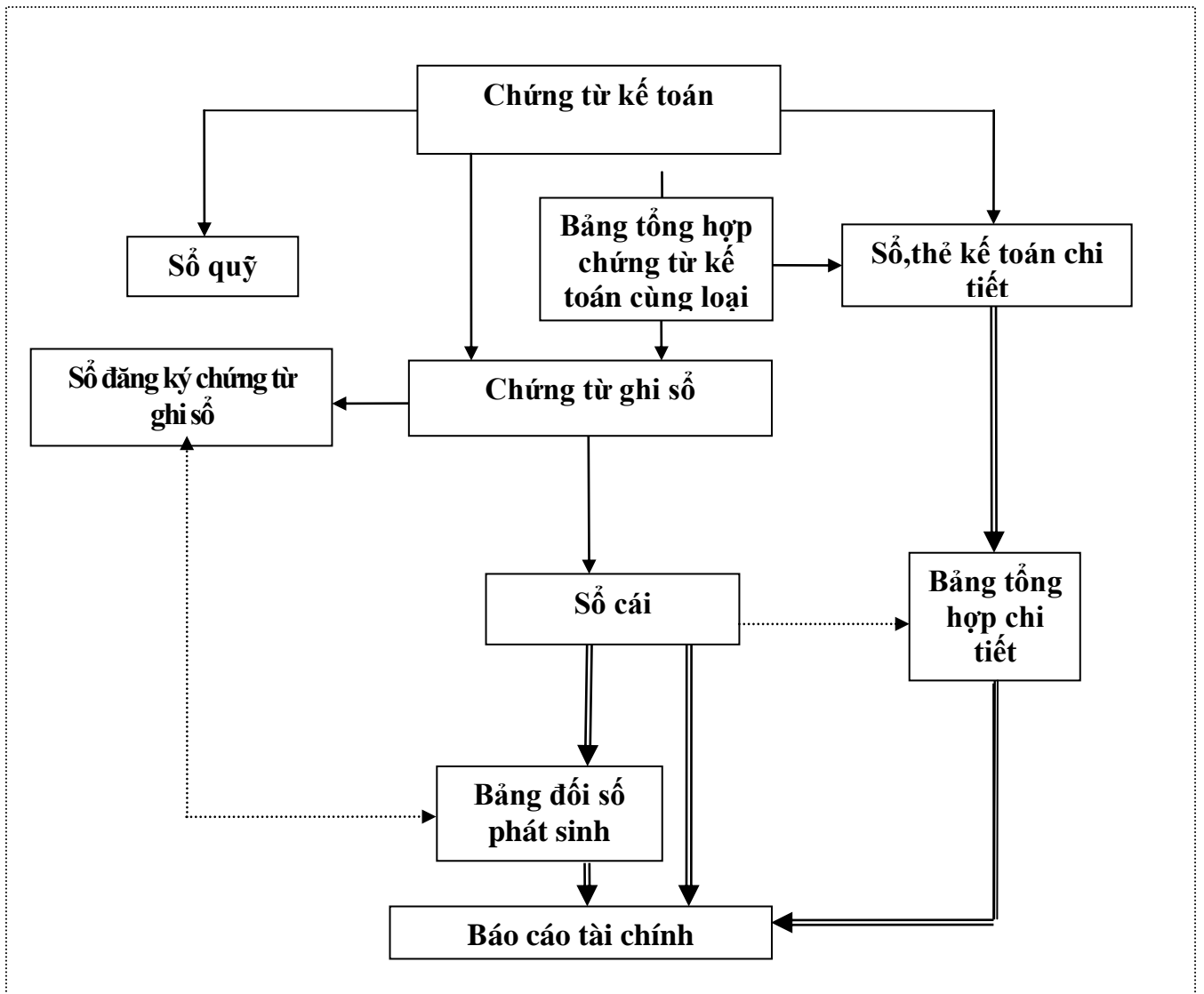
Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh. Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

### \*Sổ sách sử dụng

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN CHỨNG TỪ GHI SỔ**



*Ghi chú*

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra số liệu

## **CHƯƠNG II**

### **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ & KINH DOANH NHÀ HẢI PHÒNG.**

#### **2.1. Khái quát chung về công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng.**

##### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển**

Tên Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng.

Trụ sở giao dịch: Số 24 Phan Bội Châu - Hồng Bàng - Hải Phòng.

Điện thoại: (031).3838847

Mã số thuế: 0200156068

Tài khoản số: 102010000212829

Công ty TNHH một thành viên Quản lý và Kinh doanh nhà Hải Phòng tiền thân là Công ty Kinh doanh nhà Hải Phòng được thành lập theo Quyết định số 139/QĐ-TCCQ ngày 26/02/1994 và Quyết định 1017/QĐ-UBND ngày 29/6/2010 của UBND thành phố Hải Phòng.

Công ty TNHH một thành viên Quản lý và Kinh doanh nhà Hải Phòng là pháp nhân thuộc sở hữu nhà nước (chủ sở hữu là UBND thành phố Hải Phòng). Công ty có quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt đối với tên gọi, biểu tượng riêng, thương hiệu riêng của công ty theo quy định của pháp luật.

##### **2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh**

Công ty đã quyết định lựa chọn lĩnh vực quản lý, khai thác và phát triển quỹ nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho thuê hoặc cho thuê mua để ở, cho thuê để sử dụng vào mục đích kinh doanh dịch vụ theo các quy định của luật nhà ở và các quy định khác của Nhà nước và Thành phố. Đầu tư kinh doanh phát triển nhà trong đó chú trọng đầu tư, kinh doanh phát triển nhà ở xã hội ; kinh doanh bất động sản; kinh doanh dịch vụ quản lý nhà; quản lý đầu tư, tư vấn đầu tư xây dựng; xây dựng sửa chữa nhà, xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp và cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xây dựng giao thông, xây dựng thủy lợi, trang trí nội thất ... Trải qua nhiều năm xây dựng và phát triển, công ty đã đạt được những kết quả nhất định trong lĩnh vực kinh doanh của mình. Suốt thời gian đó, bên cạnh những thuận lợi công ty cũng gặp không ít những khó khăn.

##### **Thuận lợi:**

Trong vài năm gần đây hoạt động của công ty rất hiệu quả đặc biệt trong công tác quản lý và thu tiền nhà đạt được những thuận lợi đáng kể: tổng diện tích nhà cho thuê tăng. Về kinh doanh nhà đây mới chỉ là thời kì tập sự nên doanh thu không đáng kể. Đời sống cán bộ công nhân viên tương đối ổn định. Công ty còn nhận được hợp đồng sửa chữa, nâng cấp cải tạo các khu nhà do nhà nước giao. Hàng năm Công ty còn hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ của mình với ngân sách nhà nước

### **Khó khăn:**

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế hội nhập, giá cả leo thang từng ngày, tiền thuê nhà đã tăng so với trước nhiều nhưng vẫn không đáp ứng được yêu cầu sửa chữa và tình trạng xuống cấp tương đối nghiêm trọng. Hàng năm có khoảng 300 ngôi nhà nguy hiểm từ cục bộ đến toàn diện. Hơn nữa thị trường về bất động sản càng ngày một sôi động dễ dẫn đến tranh chấp lấn chiếm... làm cho công tác quản lý phức tạp nay còn nhiều khó khăn hơn

### **2.1.3. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng**

Công ty được tổ chức quản lý theo mô hình Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc và Kiểm soát viên. Chủ tịch công ty kiêm Tổng Giám Đốc

Công ty. Bộ máy giúp việc cho Tổng giám đốc là 2 phó Tổng giám đốc:

- Phó Tổng giám đốc phụ trách sửa chữa trực tiếp quản lý 1 phòng và 1 xí nghiệp: xí nghiệp xây dựng và phát triển nhà, Phòng quản lý sửa chữa.
- Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh quản lý 1 phòng và 1 xí nghiệp: Phòng dự án đầu tư phát triển và xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà.

Nhiệm vụ, chức năng các phòng ban:

\* Phòng quản lý nhà: tham mưu giúp việc cho giám đốc công ty về công tác quản lý và khai thác có hiệu quả quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước do công ty quản lý cho thuê.

\* Phòng quản lý sửa chữa nhà: Tham mưu giúp việc giám đốc công ty trong lĩnh vực lập kế hoạch hoặc tổ chức thực hiện các dự án đầu tư sửa chữa cải tạo nâng cấp và xây dựng nhà thuộc quyền sở hữu nhà nước do công ty quản lý.

\* Phòng tổ chức hành chính: Tham mưu giúp việc Đảng ủy và Ban giám đốc công ty công tác tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, công tác lao động tiền lương, các chế độ chính sách và phục vụ công tác hành chính cho công ty.

\* Phòng dự án đầu tư phát triển nhà: tham mưu, đề xuất với giám đốc công ty lập kế hoạch, phương án đầu tư, kinh doanh và phát triển nhà của công ty.

\* Xí nghiệp quản lý kinh doanh nhà : Tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý, thu tiền nhà và dịch vụ tư vấn trực tiếp với các bên thuê nhà theo hợp đồng thuê nhà do công ty với bên thuê nhà và các quy định của nhà nước về quản lý nhà và đất.

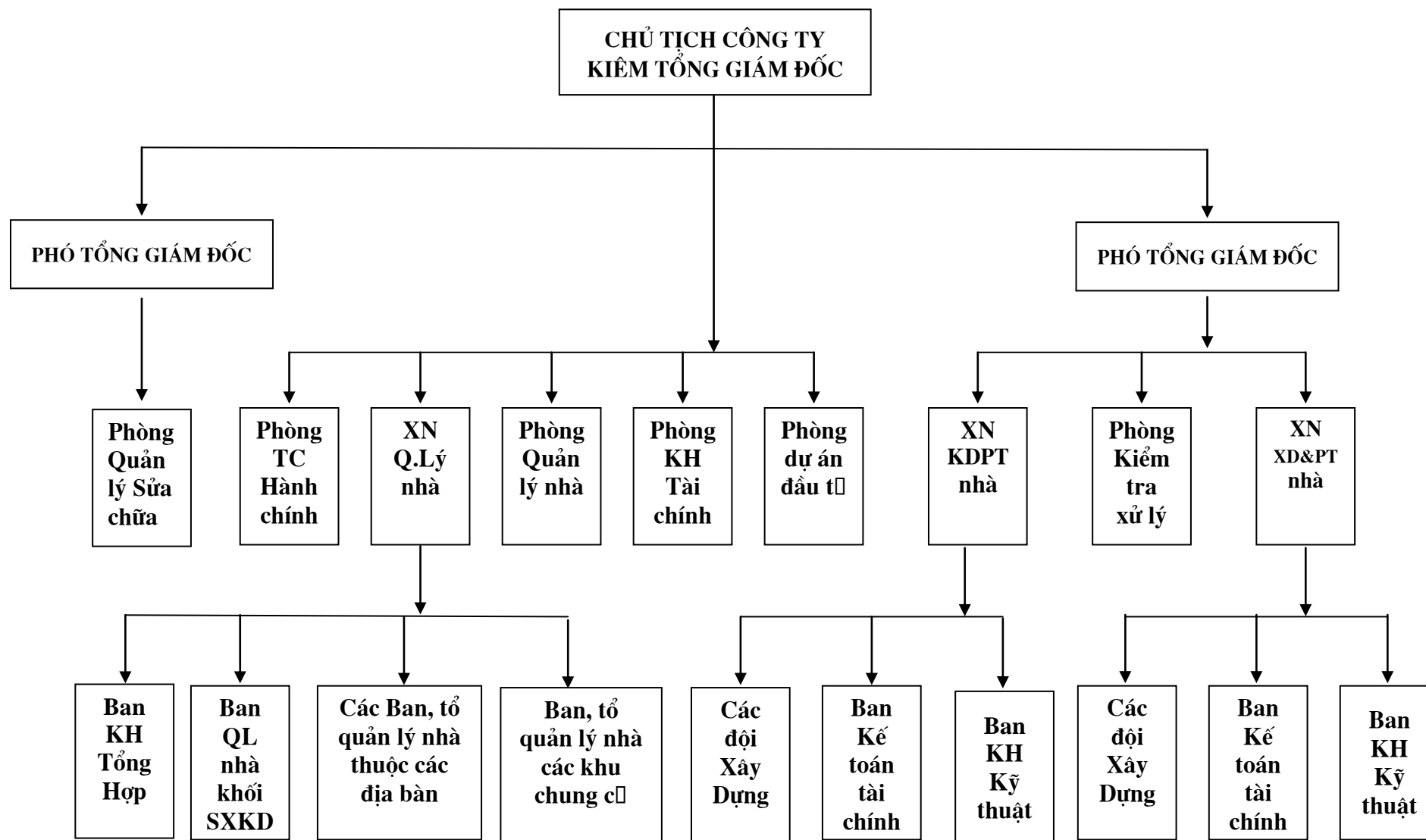
\* Xí nghiệp xây dựng và phát triển nhà: Tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh sửa chữa và thi công xây lắp theo nhiệm vụ kế hoạch công ty giao và tham mưu cho công ty dự thầu xây lắp với các chủ đầu tư khác theo luật định.

\* Phòng kế hoạch tài chính: giúp Giám đốc công ty chỉ đạo tổ chức thực hiện thống nhất công tác tài chính kế toán thống kê, thông tin kinh tế và hạch toán kinh tế của Công ty theo quy định quản lý kinh tế tài chính hiện hành, đồng thời quản lý, hướng dẫn và kiểm tra kiểm soát về tài chính kế toán đối với hệ thống ngành dọc chuyên môn ở các đơn vị trực thuộc Công ty theo luật định.

\* Xí nghiệp Kinh doanh phát triển nhà: tổ chức thực hiện các hoạt động kinh doanh theo nhiệm vụ kế hoạch Công ty giao và tham mưu cho công ty và các chủ đầu tư theo luật định.

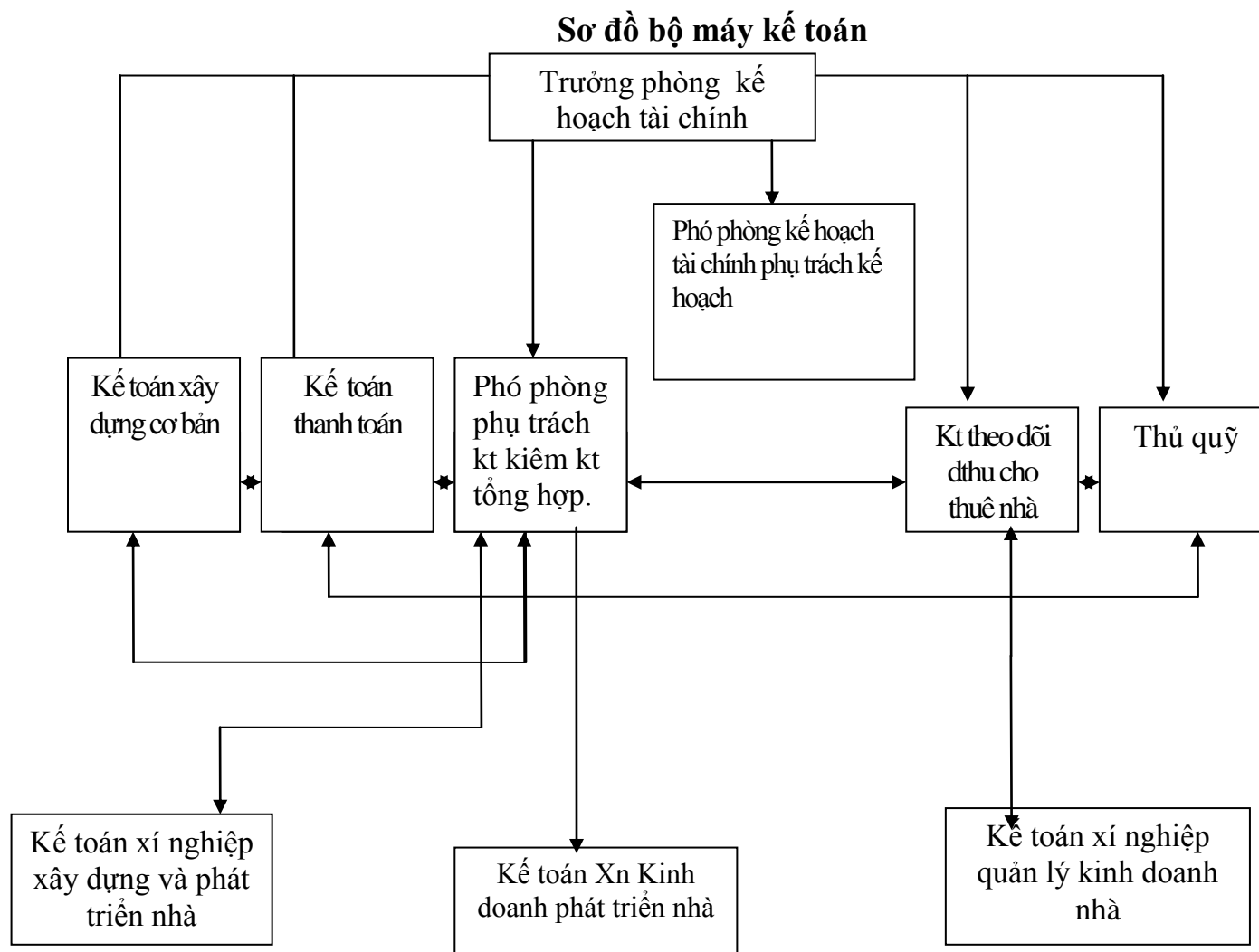
\* Phòng kiểm tra xử lý: Kiểm tra toàn bộ nhà cho thuê Công ty quản lý xem có trường hợp nào lấn chiếm vi phạm hợp đồng với công ty để xử lý.

**MÔ HÌNH BỘ MÁY TỔ CHỨC CÔNG TY**



**2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà hải Phòng**

**2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán**





Hiện nay công ty áp dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán phân tán vì cấp dưới công ty có 3 đơn vị hạch toán độc lập tự làm ăn tự chịu trách nhiệm trước nhà nước về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đó là Xí nghiệp quản lý nhà, Xí nghiệp xây dựng và phát triển nhà, Xí nghiệp Kinh doanh phát triển nhà, 3 XN này có bộ máy kế toán đầy đủ.

#### **Tæ chøc bé m,y kÕ to,n:**

- Tr-êng phßng (1 ng-êi): tæ chøc qu¶n lý vụ ®iÒu hnh c,c nghiÖp vô cña phßng theo chøc n'ng nhiÖm vô quyÒn h¹n C«ng ty giao vụ chÐu tr, ch nhiÖm tr-íc Tæng gi,m ®èc C«ng ty vô néi dung c«ng viÖc ®-íc giao .

- Phã phßng: bao g¸m 2 phã phßng (1 phã phßng phõ tr, ch kÕ to,n vụ 1 phã phßng phõ tr, ch kÕ ho¹ch) ®iÒu hnh c,c ho¹t ®éng theo chøc danh cña phßng khi tr-êng phßng ®i v³ng vụ chÐu tr, ch nhiÖm tr-íc Tæng gi,m ®èc vụ tr-êng phßng vô c«ng viÖc ®-íc ph©n c«ng .

+ KÕ to,n XDCB: tham m-u trong viÖc theo d¸i kiÓm tra h¸ s¬ thanh quyÕt to,n c,c c«ng tr¸nh s¸a ch÷a XDCB. Mẽ sæ chi tiÕt t¸i kho¶n ph¶i tr¶ cho ng-êi b,n, XDCB dẽ dang, ph¶i tr¶ néi bé, ph¶i thu néi bé vụ theo d¸i ho¹t ®éng kinh tÕ s¸a ch÷a,... KiÓm tra sè liÖu vụ thñ t¸c thanh quyÕt to,n, t¸m øng c,c c«ng t,c s¸a ch÷a, l¸p th¸nh vi³n tham gia thu h¸i vÛt t-. H¸ng quý lÛp b,o c,o chi tiÕt, ®¶nh k× 1 n'¸m tiÕn hnh c«ng viÖc ®èi chiÕu x,c minh c«ng n¸ nh»m ®¶m b¶o tÝnh thùc tÕ cña sè liÖu kÕ to,n trong thanh to,n vèn ®Çu t- XDCB.

+ KÕ to,n l-¸ng, BHXH: thùc hiÖn thanh to,n l-¸ng vụ BHXH cho c,n bé c«ng nh©n vi³n, mẽ sæ thanh to,n l-¸ng cho t¸ng c,n bé c«ng nh©n vi³n theo bé phËn phßng ban sæ tæng h¸p thanh to,n l-¸ng. Ph©n tÝch l-¸ng kho,n, l-¸ng theo thêi gian. Thùc hiÖn ghi chÐp kÕ to,n tiÒn l-¸ng, kho¶n trÝch vụ thanh to,n BHXH, BHYT, KPC§ vụ c,c kho¶n thanh to,n l-¸ng cho c,c c,n bé c«ng nh©n vi³n.

+ KÕ to,n doanh thu: theo d¸i chi tiÕt vụ tæng h¸p to¸n bé doanh thu, lÛp c,c b,o c,o ®¶nh k× theo th,ng, năm. H¸ng ngày c¸p nh¸t vào s¸o k¸p thêi chính x¸c d¸a vào biên lai thu....

+Thủ quỹ (1 ng- òi): Thu chi tiền mặt theo phiếu đ- ợc lập đúng quy định, hàng ngày đi ngân hàng nộp rút tiền mặt về quỹ theo quy định của nhà n- óc, vào sổ k¸p thêi nhñng kho¸n thu đ¸i chiÕu v¸i kÕ to¸n thanh to¸n cu¸i ngày rút số d- tồn quỹ, cuối ngày phải tiến hành kiểm quỹ, cuối tháng kiểm kê quỹ lập biên bản.

+Kế toán thanh toán (1 ng- ời): Kiểm tra tính hợp pháp của chứng từ, mở sổ theo dõi các khoản tiền mặt, TGNH, tạm ứng, CCDC, các nghiệp vụ phát sinh trong ngày. Theo dõi tiền gửi tại các ngân hàng, đối chiếu thủ quỹ các khoản thu chi trong ngày, xác định tồn quỹ cuối ngày cuối tháng. Lập chứng từ ghi sổ và hàng ngày đối chiếu, vào sổ chi tiết theo dõi tiền thanh lý nhà. Kiểm tra việc viết phiếu xuất nhập kho. Đôn đốc các đơn vị cá nhân thanh toán hoàn tạm ứng.

#### **2.1.4.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán**

##### **Chế độ kế toán áp dụng**

- Kì kế toán năm áp dụng từ ngày 01/01 đến 31/12
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam
- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ/BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ
- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc được quy định cụ thể cho từng loại vật tư,hàng hóa.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.
- Kì lập báo cáo theo quý, năm.

##### **Hình thức sổ kế toán**

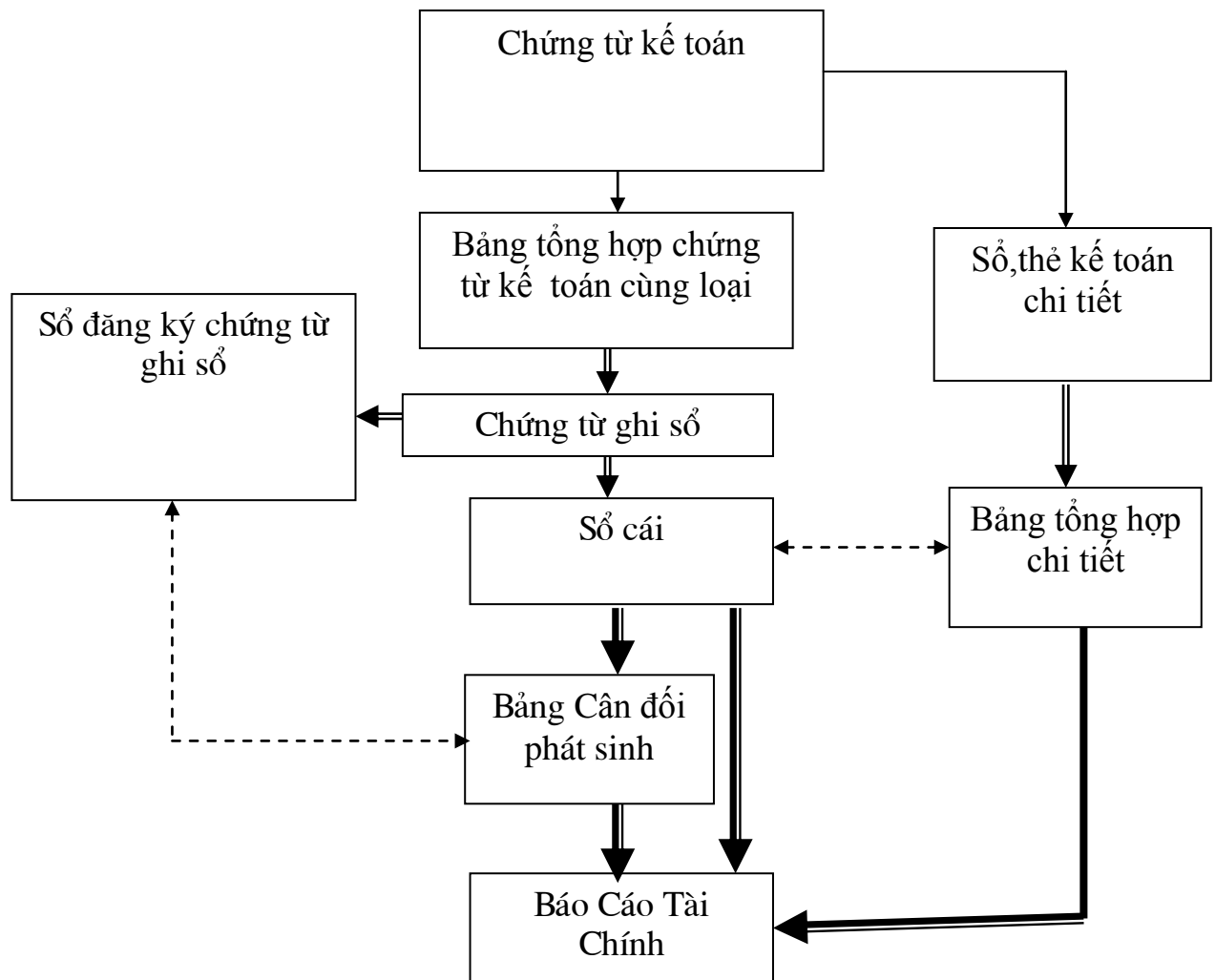
Hình thức kế toán công ty đang áp dụng: là hình thức sổ kế toán “Chứng từ ghi sổ”. Sổ kế toán dùng để ghi chép hệ thống và lưu giữ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan đến đơn vị kế toán.

Với hình thức kế toán chứng từ ghi sổ thì mọi nghiệp vụ kinh tế ở các chứng từ gốc đều được phân loại và để lập chứng từ ghi sổ trước khi ghi vào sổ kế toán tổng hợp.

##### **Hệ thống sổ sách mà công ty đang sử dụng bao gồm:**

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ
- Sổ cái các tài khoản
- Các sổ,thẻ kế toán chi tiết

**Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ tại công ty TNHH MTV  
Quản lý & kinh doanh nhà Hải Phòng**



Ghi chú:

←-----→ Đối chiếu kiểm tra

————→ Ghi hàng ngày

====> Ghi cuối quý, năm

====> Ghi cuối tháng

***Chu trình hạch toán kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ của công ty  
TNHH MTV Quản lý & kinh doanh nhà Hải Phòng:***

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc như: Hoá đơn GTGT, biên lai thu tiền nhà, phiếu thu, phiếu chi... kế toán lập bảng tổng hợp chứng từ cùng loại đồng thời vào sổ thẻ kế toán chi tiết.

Cuối tháng, căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại kế toán lập chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và vào sổ cái các tài khoản có liên quan. Kế toán chi tiết căn cứ vào sổ kế toán chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết.

Cuối quý, cuối năm căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập báo cáo tài chính.

**Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính**

Hệ thống báo cáo tài chính của công ty TNHH MTV Quản lý & kinh doanh nhà Hải Phòng bao gồm:

Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DN)

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Mẫu B02-DN)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu B03-DN)

Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu B09-DN)

**2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Quản lý & kinh doanh nhà Hải Phòng**

**2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH MTV Quản lý & kinh doanh nhà Hải Phòng**

**2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm hàng hóa, dịch vụ**

Do đây là công ty Kinh Doanh Nhà cho nên hàng hóa, dịch vụ của công ty là :

- Các căn hộ cho thuê để ở hoặc cho thuê để sử dụng vào mục đích kinh doanh dịch vụ

- Xây dựng các công trình dân dụng

- Xây dựng các công trình công nghiệp và cơ sở hạ tầng kỹ thuật

- Xây dựng giao thông, xây dựng thủy lợi, trang trí nội thất...

**2.2.1.2. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty TNHH MTV Quản lý & kinh doanh nhà Hải Phòng**

**\*Chứng từ kế toán sử dụng:**

-Hóa đơn thu tiền nhà, phiếu thu (Mẫu số 01-TT)

-Hợp đồng, uỷ nhiệm thu...

**\*Tài khoản sử dụng:**

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết +TK 5112 - Doanh thu bán thành phẩm

+TK 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

TK111:Tiền mặt

TK 112:Tiền gửi ngân hàng

TK131:Phải thu khách hàng

TK333:Thuế và các khoản phải nộp nhà nước...

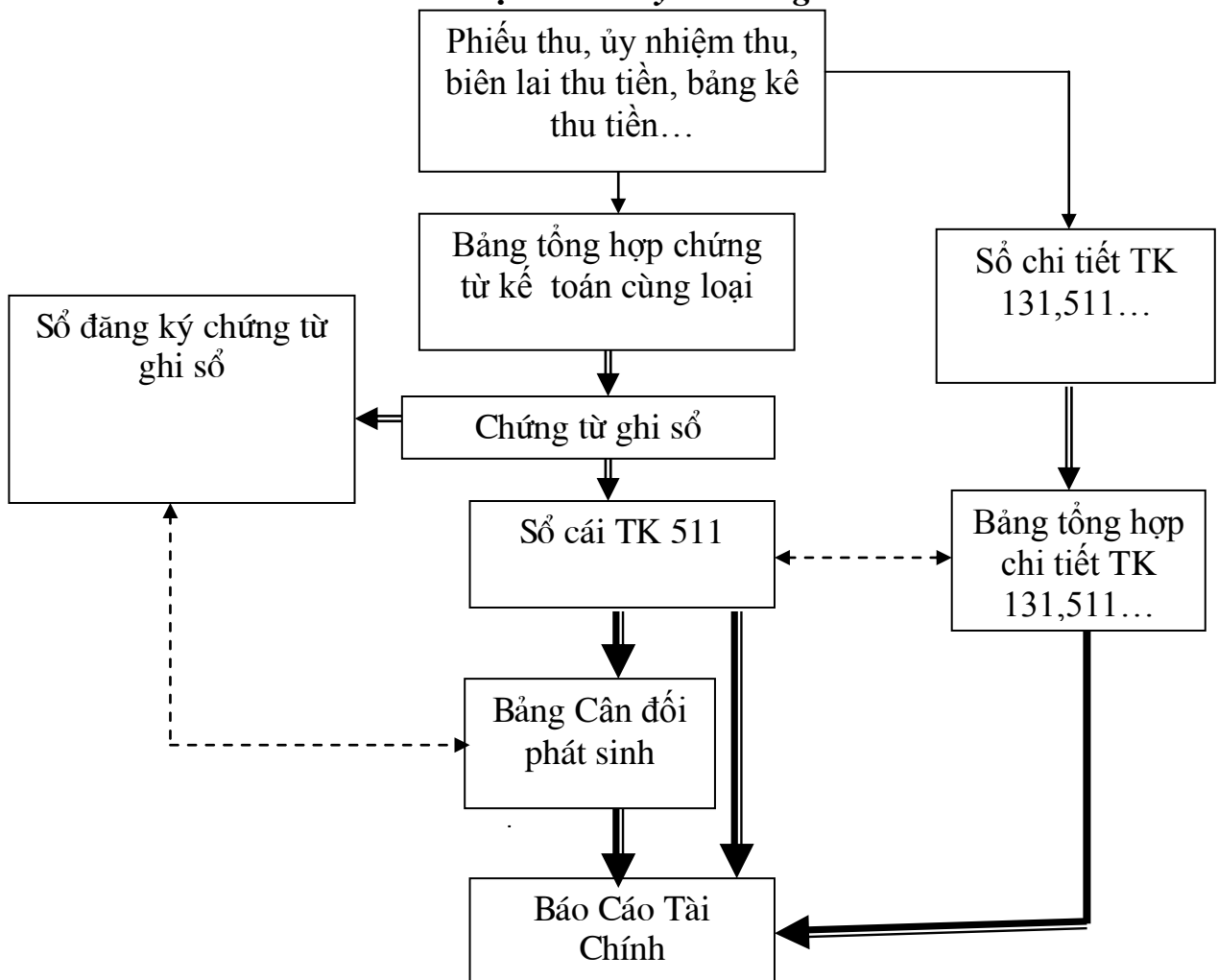
**\*Hệ thống sổ sách sử dụng:**

Chứng từ ghi sổ

Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ

Sổ cái TK 111, 511...

**\*Trình tự luân chuyển chứng từ:**





<p><b>sẽ x@y dùng h¶i phßng</b></p> <p>«ng ty TNHH MTV QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH NHÀ HP</p> <p><b>ho, ®-n thu tiÒn thuª nhµ (GTGT)</b></p> <p><i>Liªn 1: L-u</i></p> <p><b>Ký hiÖu: AA/13HP</b></p> <p><b>Sè ho, ®-n: 1007923</b></p> <p>Tªn kh, ch hµng: NguyÔn Dồng</p> <p>§Þa chØ: 39/C T2T5 Cầu Tre</p> <p>M· nhµ: 02_08_01_003_001</p> <p>Tr¶ tiÒn thuª nhµ th,ng: 12/2013</p> <p>Sè tiÒn nép theo H§: 350.000</p> <p>T·ng 0</p> <p>Gi¶m 0</p> <p>ThuÕ GTGT 35.000</p> <p>Sè tiÒn thùc nép 385.000</p> <p>Ng-êi thu tiÒn: Hoàng Hà</p> <p>Thu tiÒn ngµy 25 th,ng 12 nªm 2013</p> <p>CV sè: 37/CT/HC ngµy 14/03/2008</p> <p>cña CT H¶i Phßng</p>	<p><b>SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG</b></p> <p>CÔNG TY TNHH 1 THÀNH VIÊN QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH NHÀ</p> <p>Số 24 Phan Bội Châu MST: 0200156068</p> <p>TK: 102010000212829 NHVT HP</p> <p>Tên khách hàng: Nguyễn Dũng</p> <p>Địa chỉ: 39/C T2T5 Cầu Tre</p> <p>Số tài khoản: 02_08_01_003_001</p>		<p><b>HOÁ ĐƠN THU TIỀN THUÊ NHÀ (GTGT)</b></p> <p><i>Liên 2: Giao cho người nộp tiền</i> Ký hiệu: <b>AA/13HP</b></p> <p>Ngày 25 tháng 12 năm 2013 HÐ: <b>1007923</b></p> <p>Trả tiền thuê cho tháng: 12/2013</p> <p>Mã số thuế:</p> <p>Mã nhà:</p> <p>Số hợp đồng:</p>																
	<table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Số tiền 01 tháng nộp theo HÐ( đ)</th> <th colspan="2">Số tiền nộp theo phụ lục HÐ</th> <th rowspan="2">Số tiền 01 tháng phải nộp (đ) ch¶a thuế</th> <th rowspan="2">Thuế GTGT10%</th> <th rowspan="2">Tổng số tiền phải nộp</th> </tr> <tr> <th>Tăng</th> <th>Giảm</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">350.000</td> <td style="text-align: center;">0</td> <td style="text-align: center;">0</td> <td style="text-align: center;">350.000</td> <td style="text-align: center;">35.000</td> <td style="text-align: center;">385.000</td> </tr> </tbody> </table>	Số tiền 01 tháng nộp theo HÐ( đ)	Số tiền nộp theo phụ lục HÐ		Số tiền 01 tháng phải nộp (đ) ch¶a thuế	Thuế GTGT10%	Tổng số tiền phải nộp	Tăng	Giảm	350.000	0	0	350.000	35.000	385.000	<p><i>Ba trăm tám mươi lăm ngàn đồng chẵn</i></p> <p>Thu tiền ngày 25 tháng 12 năm 2013</p> <p>Công ty TNHH MTV Quản lý &amp; kinh nhà HP</p> <p style="text-align: right;">Người thu tiền</p> <p><i>Ghi chú: Bên thu lưu giữ lại hoá đơn để đối chiếu khi cần thiết</i></p> <p><i>Tổng số tiền chưa thanh toán của bên thuê đến tháng : 0</i></p>			
Số tiền 01 tháng nộp theo HÐ( đ)	Số tiền nộp theo phụ lục HÐ		Số tiền 01 tháng phải nộp (đ) ch¶a thuế	Thuế GTGT10%				Tổng số tiền phải nộp											
	Tăng	Giảm																	
350.000	0	0	350.000	35.000	385.000														

**BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN THU TIỀN THUÊ NHÀ**

Số 02/12

Tháng 12 năm 2013

(Khu vực Cầu Tre-Vạn Mỹ)

Thu ngân: Hoàng Hà

STT	Số Seri	Số hợp đồng	Tên chủ hợp đồng	Địa chỉ	Tháng/Năm	Số tiền	Thuế GTGT 10%	Tổng tiền
1	135200	5248LC	Nguyễn Mai	75/CT4T4	12/2013	440,000	54,000	594,000
2	135201	5248LC	Nguyễn Đức	70/CT4T3	12/2013	440,000	54,000	594,000
3	135202	55/05LC	Ngô Minh	24/CT2T1	12/2013	570,000	77,000	847,000
4	135203	71/08LC	Nguyễn Văn	26/CT2T2	12/2013	370,000	37,000	407,000
5	135204	1491LC	Nguyễn Ly	29/CT2T3	12/2013	517,000	61,700	678,700
6	135205	72/08LC	Trần Thị Hoa	31/CT2T3	12/2013	366,000	36,600	402,600
7	135206	56/02LC	Nguyễn Thế	33/CT2T4	12/2013	495,000	49,500	544,900
8	135207	64/02LC	Phạm Thị Hà	34/CT2T4	12/2013	359,000	35,900	394,900
<b>9</b>	<b>135208</b>	<b>1661LC</b>	<b>Nguyễn Dũng</b>	<b>39/CT2T5</b>	<b>12/2013</b>	<b>350,000</b>	<b>35,000</b>	<b>385,000</b>
10	135209	65/02LC	Đặng Thanh	40/CT2T5	12/2013	489,000	48,900	537,900
11	135210	4069LC	Nguyễn Văn	50/CT3T3	12/2013	365,000	36,500	401,500
.....	...	....	....	....	....	...	...	.....
<b>Tổng cộng</b>						<b>404.000.000</b>	<b>40.400.000</b>	<b>444.400.000</b>

Kế toán Thủ quỹ XNQLKDN Tổ quản lý Thu ngân



Công ty TNHH MTV

Mẫu số 01 – TT

Quản lý & Kinh Doanh nhà HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006

ngày 20/03/2006 của bộ tr- ờng BTC

## Phiếu Thu

Số: 40/12

Ngày 25 tháng 12 năm 2013

Nợ 111 : 444.400.000

Có 511 : 404.000.000

Có 3331 : 40.400.000

Họ tên ng- ời nộp tiền: Hoàng Hà.

Địa chỉ: VPQL nhà.

Lý do nộp: thu tiền cho thuê nhà khối dân tháng 12 khu vực Cầu Tre-Vạn Mỹ.

Số tiền: 444.400.000 (viết bằng chữ): Bốn trăm bốn mươi tư triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn.

Kèm theo : 01 Chứng từ gốc: Bảng kê số 02/12

Ngày 25 tháng 12 năm 2013

Giám đốc (Ký, họ tên)	Kế toán tr- ờng (ký, họ tên)	Ng- ời nộp tiền (Ký, họ tên)	Ng- ời lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
--------------------------	---------------------------------	---------------------------------	----------------------------------	-------------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Bốn trăm bốn mươi tư triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn*

+ Tỷ giá hối đoái (Vàng bạc đá quý).....

+ Số tiền quy đổi.....

Công ty TNHH MTV  
 Quản lý & Kinh Doanh nhà HP

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC CÙNG LOẠI**

Tháng 12 năm 2013  
 (Ghi nợ TK 111)

Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 111, ghi có các TK				
SH	NT		3331	511	112	...	Cộng
...	...	...	...	...	...	...	...
BK01/12	25/12	Thu tiền thuê nhà tháng 12 ( <i>Lâm Trường</i> )	32.500.000	325.000.000			357.500.000
BK 02/12	25/12	<b>Thu tiền thuê nhà tháng 12 (<i>Cầu Tre-Vạn Mỹ</i>)</b>	40.400.000	404.000.000			444.400.000
T48/12	28/12	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt.			280.000.000		280.000.000
...	...	.....	.....	.....	...	...	...
		<b>Cộng</b>	<b>200.648.000</b>	<b>1.768.550.000</b>	<b>858.458.000</b>		<b>3.515.573.546</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Công ty TNHH MTV

Mẫu số S02a -DN

Quản lý & Kinh Doanh nhà HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006

ngày 20/03/2006 của bộ tr- ởng BTC

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số: 01/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Doanh thu bằng tiền mặt tháng 12/2013	111	511	1.768.550.000	
Thuế VAT đầu ra bằng tiền mặt tháng 12/2013	111	3331	200.648.000	
Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt tháng 12/2013	111	112	858.458.000	
.....	...	...	.....	...
<b>Cộng</b>			<b>3.515.573.546</b>	

Kèm theo...chứng từ gốc

Ng- ời lập

Kế toán tr- ởng

(kí, họ tên)

(kí, họ tên)

Công ty TNHH MTV  
 Quản lý & Kinh Doanh nhà HP

Mẫu số S02b -DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006  
 ngày 20/03/2006 của bộ tr- ởng BTC

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Năm 2013

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....	.....	.....
<b>01/12</b>	<b>31/12</b>	<b>3.515.573.546</b>
02/12	31/12	4.475.325.210
03/12	31/12	2.685.642.000
.....	.....	.....
18/12	31/12	5.717.930.700
.....	.....	.....
60/12	31/12	45.756.533.540
61/12	31/12	45.756.533.540
Cộng		184.804.341.767

Ngày 31 /12/2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Công ty TNHH MTV

Mẫu số S02c1-DN

Quản lý & Kinh Doanh nhà HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của bộ tr- ờng BTC

**SỔ CÁI TK 511**

(Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ)

Năm 2013

NT GS	CT-GS		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/8	02/08	31/8	Doanh thu bằng tiền gửi NH tháng 8/2013	112		994.369.500
30/9	02/09	30/9	Doanh thu bằng tiền gửi NH tháng 9/2013	112		1.200.685.000
31/10	01/10	31/10	Doanh thu bằng tiền mặt tháng 10/2013	111		1.898.200.120
30/11	01/11	30/11	Doanh thu bằng tiền mặt tháng 11/2013	111		1.658.325.420
<b>31/12</b>	<b>01/12</b>	<b>31/12</b>	<b>Doanh thu bằng tiền mặt tháng 12/2013</b>	<b>111</b>		<b>1.768.550.000</b>
31/12	60/12	31/12	Kết chuyển DT BH và cung cấp DV năm 2013	911	45.618.112.660	
			Cộng		<b>45.618.112.660</b>	<b>45.618.112.660</b>
			<b><u>SDCK</u></b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ  
(kí, họ tên)

Kế toán trưởng  
(kí, họ tên)

Giám đốc  
(kí, họ tên)

**2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH MTV Quản lý & kinh doanh nhà Hải Phòng**

**\*Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT (Mẫu sè 01 GTKT- 3LL), bảng quyết toán chi phí sửa chữa
- Các chứng từ liên quan

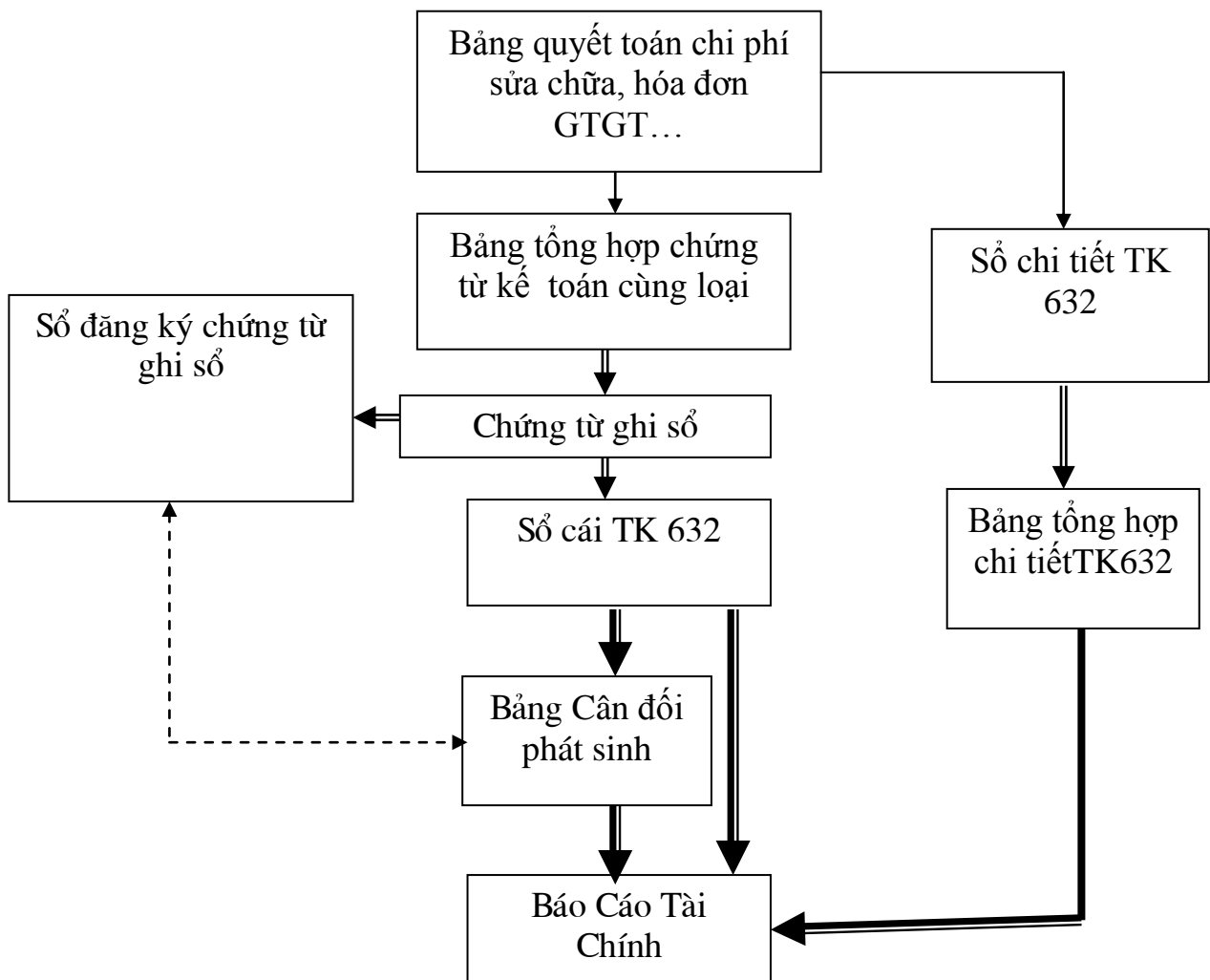
**\*Tài khoản sử dụng:**

- TK 632-Giá vốn hàng bán
- TK 133- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
- TK 336- Phải trả nội bộ...

**\*Hệ thống sổ sách sử dụng:**

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 63

**\*Trình tự luân chuyển chứng từ:**



Ghi chú:

- ←-----→ Đối chiếu
- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối quý, năm
- =====> Ghi cuối tháng

**Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà hải Phòng:**

Hàng ngày, từ các chứng từ kế toán như: Hóa đơn GTGT, bảng quyết toán chi phí sửa chữa... kế toán vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại đồng thời ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Cuối tháng, căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập các chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ kế toán ghi sổ đăng kí chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 632. Từ sổ, thẻ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết.

Cuối quý, năm căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối phát sinh. Từ bảng cân đối phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên bảng cân đối phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên sổ đăng kí chứng từ ghi sổ.

**Ví dụ 2:** Ngày 25/12/2013, đơn vị cấp dưới Xí nghiệp xây dựng & phát triển nhà và công ty quyết toán chi phí sửa chữa khu tập thể Cầu Tre.

Căn cứ vào HĐ GTGT 0035612 và các chứng từ liên quan, kế toán định khoản:

Nợ TK632: 185.770.000

Nợ TK133: 18.577.000

Có TK336: 204.347.000

Từ bút toán trên, kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp chứng từ cùng loại đồng thời ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết.

Cuối tháng, căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập các chứng từ ghi sổ, từ các chứng từ ghi sổ ghi sổ đăng kí chứng từ ghi sổ và sổ cái TK632, từ các sổ thẻ kế toán chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết TK 632

Cuối quý, năm căn cứ vào sổ cái TK 632 lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập Báo cáo tài chính

**HOÁ ĐƠN**

Mẫu số 01/GTKT-3LL

**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

PD/13HP

Liên 2: Giao cho khách hàng

0035612

Ngày 25 tháng 12 năm 2013

Đơn vị bán hàng: Xí nghiệp sửa chữa và phát triển nhà

Điện thoại: 0313 858386

MST: 0200159340

Họ tên ng-ời mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV thành viên Quản lý và Kinh doanh nhà HP

Địa chỉ: Số 24 - Phan Bội Châu - Hải phòng

Số TK: 102010000212829

Hình thức thanh toán:

MST: 0200156068

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lợng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Chi phí sửa chữa khu TT Cầu Tre(Có bảng quyết toán chi phí kèm theo)				185.770.000
<b>Cộng tiền hàng</b>					<b>185.770.000</b>
<b>Tiền thuế GTGT (thuế suất 10%)</b>					<b>18.577.000</b>
<b>Tổng tiền thanh toán</b>					<b>204.347.000</b>
Số tiền bằng chữ: Hai trăm linh tư triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn đồng chẵn.					

Ng-ời mua hàng

Ng-ời bán hàng

Thủ tr-ởng đơn vị

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, đóng dấu, họ tên)



Công ty TNHH MTV

Quản lý & Kinh Doanh nhà HP

## BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC CÙNG LOẠI

Tháng 12 năm 2013

(Ghi có TK 336)

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 336, ghi nợ các TK				
SH	NT		632	133	112	...	Cộng
...	...	.....	.....	.....	.....	...	.....
H Đ 0035612	25/12	<b>Đơn vị cấp dưới Xí nghiệp xây dựng &amp; phát triển nhà sửa chữa khu tập thể Cầu Tre</b>	185.770.000	18.577.000			204.347.000
T55/12	30/12	Thu hộ tiền cho XN quản lý nhà			1.358.956.800		1.358.956.800
		<b>Cộng</b>	<b>999.800.273</b>	<b>99.980.027</b>	<b>3.938.150.400</b>	<b>...</b>	<b>5.717.930.700</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Công ty TNHH MTV

Mẫu số S02a -DN

Quản lý & Kinh Doanh nhà HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006

ngày 20/03/2006 của bộ tr- ởng BTC

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 18/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
<b>Giá vốn hàng bán tháng 12/2013</b>	632	336	999.800.273	
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tháng 12/2013	133	336	99.980.027	
Thu hộ tiền gửi NH cho đơn vị cấp dưới tháng 12/2013	112	336	3.938.150.400	
.....	...	...	...	...
<b>Cộng</b>			<b>5.717.930.700</b>	

Kèm theo...chứng từ gốc

Ng- ời lập

Kế toán tr- ởng

(kí, họ tên)

(kí, họ tên)

Công ty TNHH MTV  
 Quản lý & Kinh Doanh nhà HP

Mẫu số SO2b -DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006  
 ngày 20/03/2006 của bộ tr- ởng BTC

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Năm 2013

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....	.....	.....
01/12	31/12	3.515.573.546
02/12	31/12	4.475.325.210
03/12	31/12	2.685.642.000
.....	.....	.....
<b>18/12</b>	<b>31/12</b>	<b>5.717.930.700</b>
.....	.....	.....
60/12	31/12	45.756.533.540
61/12	31/12	45.756.533.540
Cộng		<b>184.804.341.767</b>

Ngày 31 /12/2013

Người ghi sổ  
 (ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
 (ký, họ tên)

Giám đốc  
 (ký, họ tên)

Công ty TNHH MTV

Mẫu số SO 2C1-DN

Quản lý & Kinh Doanh nhà HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của bộ tr- ởng BT

**SỔ CÁI TK 632**

(Giá vốn hàng bán)

Năm 2013

NT GS	CT-GS		Diễn giải	TK đôi ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/8	15/08	31/8	Giá vốn hàng bán tháng 8/2013	331	1.956.500.120	
30/9	16/09	30/9	Giá vốn hàng bán tháng 9/2013	241	1.230.450.900	
...	...	...	.....	....	.....	.....
30/11	15/11	30/11	Giá vốn hàng bán tháng 11/2013	336	1.568.496.200	
<b>31/12</b>	<b>18/12</b>	<b>31/12</b>	<b>Giá vốn hàng bán tháng 12/2013</b>	<b>336</b>	999.800.273	
31/12	61/12	31/12	Kết chuyển GVHB năm 2013	911		39.192.809.800
			Cộng		<b>39.192.809.800</b>	<b>39.192.809.800</b>
			<b><u>SDCK</u></b>			

Ngày 31/12/2013

Người ghi sổ  
(kí, họ tên)

Kế toán trưởng  
(kí, họ tên)

Giám đốc  
(kí, họ tên)

### 2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Tại công ty TNHH MTV Quản lý & kinh doanh nhà Hải Phòng, chi phí quản lý doanh nghiệp là tài khoản phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp ( tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phí công đoàn, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, dịch vụ mua ngoài khác ( điện, nước, điện thoại, fax...), chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách, hội nghị...).

**\*Tài khoản sử dụng:**

TK 111,112...

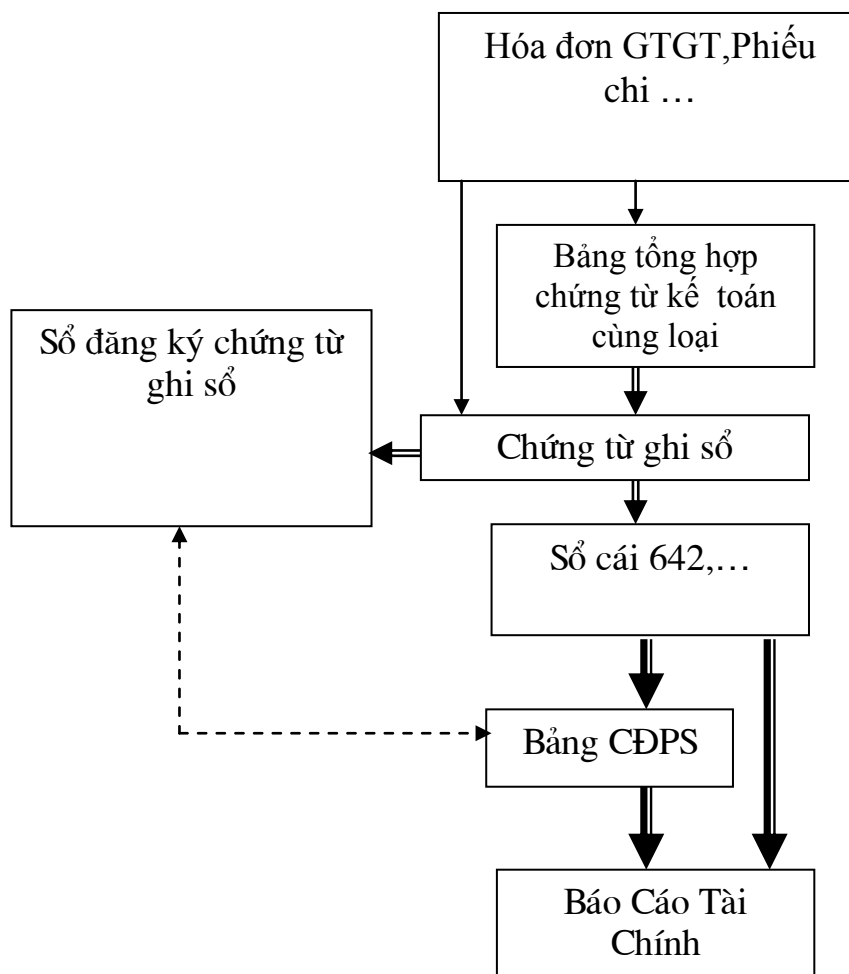
TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp

**\*Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT-3LL), phiếu chi
- Bảng phân bổ tiền lương, BHXH
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, giấy báo nợ của Ngân hàng...

**\*Sổ sách kế toán sử dụng:** Chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái

**\*Trình tự luân chuyển chứng từ:**



Ghi chú:

- ←-----→ Đối chiếu kiểm tra
- =====> Ghi cuối tháng
- =====> Ghi cuối quý, năm
- =====> Ghi hàng ngày

### **Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty**

Từ các chứng từ kế toán hàng ngày như HĐ GTGT, phiếu chi, phiếu xuất kho...kế toán vào bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại.

Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại lập các chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK642.

Cuối quý, năm từ sổ cái tài khoản 642 làm căn cứ để lập bảng cân đối phát sinh, từ bảng cân đối phát sinh lập báo cáo tài chính cuối năm

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên bảng cân đối phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

### **Ví dụ3:**

Ngày 20/12/2013, mua văn phòng phẩm tại công ty Cổ phần văn phòng phẩm Hồng Hà, mua 25 tập giấy A4, giá mua chưa thuế 85.000đ/tập, VAT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT0054127, phiếu chi số 46/12, kế toán định khoản như sau :

Nợ TK 642 : 2.125.000

Nợ TK133 : 212.500

Có TK 111 : 2.337.500

Từ bút toán trên, kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp chứng từ cùng loại.

Cuối tháng, căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập các chứng từ ghi sổ, từ các chứng từ ghi sổ ghi sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK642.

Cuối quý, năm căn cứ vào sổ cái TK 642 lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh kế toán lập Báo cáo tài chính

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Mẫu số:01GTKT3/001		
Liên 2:Giao khách hàng		Kí hiệu:AA/13HP		
Ngày 20/12/2013		Số0054127		
Đơn vị bán hàng: <u>Cổ phần văn phòng phẩm Hồng Hà</u>				
Mã số thuế: 0200320916				
Địa chỉ: <u>Số 50 Trần Nguyên Hãn HP</u>				
Người mua hàng: Công ty TNHH MTV quản lý&kinh doanh nhà HP				
Mã số thuế: 0200156068				
Địa chỉ: Số 24 Phan Bội Châu - Hồng Bàng - Hải Phòng				
Hình thức thanh toán: TM		Số TK: 102010000212829		
Tên hàng hóa	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Giấy A4	Tập	25	85.000	2.125.000
<del> </del>				
<del> </del>				
<del> </del>				
Cộng tiền hàng				2.125.000
Thuế GTGT:10%			Tiền thuế GTGT	212.500
Tổng cộng tiền thanh toán				2.337.500
Số tiền viết bằng chữ: <i>Hai triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng.</i>				
Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị		
(Kí,họ tên)	(Kí,họ tên)	(Kí,họ tên,đóng dấu)		

Công ty TNHH MTV  
Quản lý & kinh doanh nhà HP  
Địa chỉ: Số 24 \_Phan Bội Châu

Mẫu số 02 – TT  
*Ban hành theo QĐ số 15/2006*  
*Ngày 20/03/2006 của Bộ tr- ờng BTC*

**PHIẾU CHI**      Số:46/12

*Ngày 20 tháng 12 năm 2013*

Nợ 642: 2.125.000

Nợ 133: 212.500

Có111: 2.337.500

Họ và tên ng- ời nhận tiền: Nguyễn Hoàng Anh.

Địa chỉ : Phòng hành chính.

Lý do chi: Chi mua văn phòng phẩm

Số tiền : 2.337.500 (viết bằng chữ): Hai triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc : Hóa đơn GTGT0054127

*Ngày 20 tháng 12 năm 2013*

<i>Giám đốc</i>	<i>Kế toán tr- ờng</i>	<i>Ng- ời nhận tiền</i>	<i>Ng- ời lập phiếu</i>	<i>Thủ quỹ</i>
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ ): *Hai triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng.*

+ Tỷ giá ngoại tệ ( vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....



Công ty TNHH MTV

Quản lý & Kinh Doanh nhà HP

## BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC CÙNG LOẠI

Tháng 12 năm 2013

(Ghi có TK 111)

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 111, ghi nợ các TK				
SH	NT		133	635	642	...	Cộng
...	...	.....	.....	.....	.....	...	.....
C46/12	20/12	Chi mua văn phòng phẩm cho phòng hành chính	212.500		2.125.000		2.337.500
C47/12	21/12	Chi tiếp khách	356.400		3.564.500		3.920.900
...	...	....	...	...	...	...	....
C61/12	31/12	Chi phí chuyển tiền qua ngân hàng thanh toán cho Công ty Thăng Long		104.000			104.000
		<b>Cộng</b>	<b>156.800.000</b>	<b>21.384.480</b>	<b>356.500.000</b>	<b>...</b>	<b>4.475.325.210</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Công ty TNHH MTV

Mẫu số SO2a -DN

Quản lý & Kinh Doanh nhà HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006

ngày 20/03/2006 của bộ tr- ởng BTC

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số: 02/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi phí quản lý doanh nghiệp tháng 12/2013 bằng tiền mặt	642	111	356.500.000	
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ bằng tiền mặt tháng 12/2013	133	111	156.800.000	
Chi phí hoạt động tài chính bằng tiền mặt tháng 12/2013	635	111	21.384.480	
.....	...	...	.....	...
<b>Cộng</b>			<b>4.475.325.210</b>	

Kèm theo... chứng từ gốc

Ng- ời lập

Kế toán tr- ởng

(kí, họ tên)

(kí, họ tên)

Công ty TNHH MTV  
 Quản lý & Kinh Doanh nhà HP

Mẫu số SO2b -DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006  
 ngày 20/03/2006 của bộ tr- ờng BTC

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Năm 2013

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....	.....	.....
01/12	31/12	3.515.573.546
<b>02/12</b>	<b>31/12</b>	<b>4.475.325.210</b>
03/12	31/12	2.685.642.000
.....	.....	.....
18/12	31/12	5.717.930.700
.....	.....	.....
60/12	31/12	45.756.533.540
61/12	31/12	45.756.533.540
Cộng		184.804.341.767

Ngày 31 /12/2013

Người ghi sổ  
 (ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
 (ký, họ tên)

Giám đốc  
 (ký, họ tên)

Công ty TNHH MTV

Mẫu số SO 2C1-DN

Quản lý & Kinh Doanh nhà HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của bộ tr- ờng BT

**SỔ CÁI TK 642**

(Chi phí quản lý doanh nghiệp)

Năm 2013

NT GS	CT-GS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/9	02/09	30/9	Chi phí quản lý doanh nghiệp tháng 12/2013 bằng tiền mặt	111	85.140.560	
.....	...	...	.....	...	.....	.....
30/11	02/11	30/11	Chi phí quản lý doanh nghiệp tháng 12/2013 bằng tiền mặt	111	125.634.012	
<b>31/12</b>	<b>02/12</b>	<b>31/12</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp tháng 12/2013 bằng tiền mặt</b>	<b>111</b>	<b>356.500.000</b>	
31/12	61/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2013	911		2.650.143.000
			Cộng		<b>2.650.143.000</b>	<b>2.650.143.000</b>

Ngày 31 /12/2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

## 2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

### 2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty TNHH MTV Quản lý & kinh doanh nhà Hải Phòng chủ yếu là khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

**\*Tài khoản sử dụng:**

TK 515-Doanh thu hoạt động tài chính

TK 111,112...

**\*Chứng từ kế toán sử dụng:**

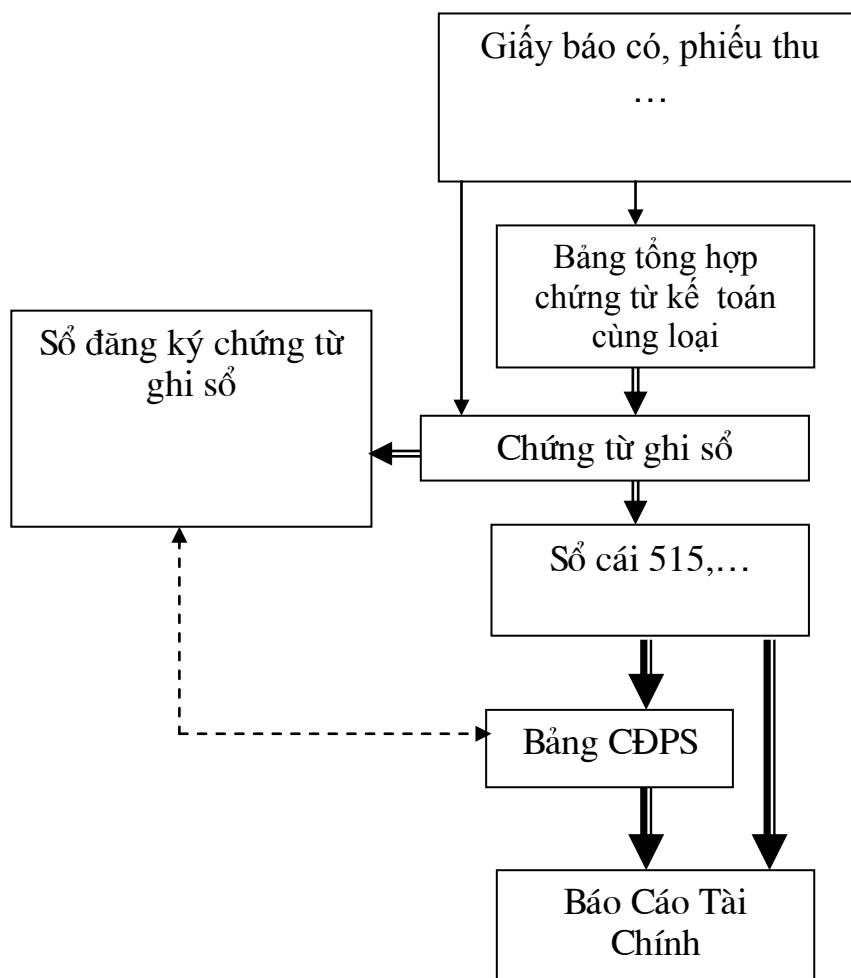
-Giấy báo có của Ngân hàng, phiếu thu

-Bản sao kê chi tiết tài khoản của ngân hàng gửi cho công ty...

**\*Sổ sách kế toán sử dụng:** Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ cái

TK515

***\*Trình tự luân chuyển chứng từ:***



Ghi chú:

- ←-----→ Đối chiếu kiểm tra  
————→ Ghi hàng ngày  
====→ Ghi cuối quý, năm  
====→ Ghi cuối tháng

### **Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty**

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán như: giấy báo có, phiếu thu...kế toán vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại.

Cuối tháng, kế toán căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập các chứng từ ghi sổ phát sinh. Từ chứng từ ghi sổ vào sổ đăng kí chứng từ ghi sổ và sổ cái tài khoản 515.

Cuối kì, từ sổ cái tài khoản 515 làm căn cứ để lập bảng cân đối phát sinh. Từ bảng cân đối phát sinh lập ra báo cáo tài chính.

**Ví dụ4:** Ngày 31/12/2013, Ngân hàng Viettin bank trả lãi tiền gửi tháng 12/2013 nhập vào tài khoản TGNH

Căn cứ vào giấy báo có của Ngân hàng số 00149 và các chứng từ có liên quan kế toán định khoản

Nợ TK 112: 5.356.468

Có TK 515: 5.356.468

Từ bút toán trên, kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp chứng từ cùng loại.

Cuối tháng, căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập các chứng từ ghi sổ, từ các chứng từ ghi sổ ghi sổ đăng kí chứng từ ghi sổ và sổ cái TK515.

Cuối quý, năm căn cứ vào sổ cái TK 515 lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh kế toán lập Báo cáo tài chính

**NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN  
VIETTIN BANK**

**Mã GDV:056  
Mã KH:15368  
Số GD: 00149**

**GIẤY BÁO CÓ**

Ngày 31/12/3013

Kính gửi: CÔNG TY TNHH MTV Quản lý & kinh doanh nhà Hải Phòng

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ :1020.10000.202.258

Số tiền bằng số: 5.356.468

Số tiền bằng chữ: Năm triệu ba trăm năm mươi sáu ngàn bốn trăm sáu mươi tám đồng.

Nội dung: #NHẬP LÃI TIỀN GỬI NGÂN HÀNG#

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Công ty TNHH MTV

Quản lý & Kinh Doanh nhà HP

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC CÙNG LOẠI**

Tháng 12 năm 2013

(Ghi nợ TK 112)

Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 112, ghi có các TK				
SH	NT		3331	511	515	..	Cộng
...	...	.....	.....	.....	.....	..	
<b>GBC 149/VT</b>	<b>31/12</b>	<b>Ngân hàng Viettin bank trả lãi tiền gửi tháng 12/2013 nhập vào tài khoản TGNH</b>			<b>5.356.468</b>		<b>5.356.468</b>
T59/12	31/12	Thu tiền thuê khu nhà số 5 Thượng Lý	3.589.080	35.890.800			39.479.880
...	...	.....	...	.....	.....	...	
		<b>Cộng</b>	<b>102.615.324</b>	<b>1.026.153.243</b>	<b>5.750.100</b>	<b>...</b>	<b>2.685.642.000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc



Công ty TNHH MTV

Mẫu số SO2a -DN

Quản lý & Kinh Doanh nhà HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006

ngày 20/03/2006 của bộ tr- ởng BTC

## CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 03/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Doanh thu hoạt động tài chính bằng TGNH tháng 12/2013	112	515	5.750.100	
Doanh thu bán hàng và cung cấp DV bằng TGNH tháng 12/2013	112	511	1.026.153.243	
Thuế GTGT đầu ra bằng TGNH tháng 12/2013	112	3331	102.615.324	
.....	...	...	.....	...
<b>Cộng</b>			<b>2.685.642.000</b>	

Kèm theo...chứng từ gốc

Ng- ời lập

Kế toán tr- ởng

(kí, họ tên)

(kí, họ tên)

Công ty TNHH MTV  
Quản lý & Kinh Doanh nhà HP

Mẫu số SO2b -DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006  
ngày 20/03/2006 của bộ tr- ờng BTC

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Năm 2013

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....	.....	.....
01/12	31/12	3.515.573.546
02/12	31/12	4.475.325.210
<b>03/12</b>	<b>31/12</b>	2.685.642.000
.....	.....	.....
18/12	31/12	5.717.930.700
.....	.....	.....
60/12	31/12	45.756.533.540
61/12	31/12	45.756.533.540
Cộng		184.804.341.767

Ngày 31 /12/2013

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên)

Công ty TNHH MTV

Mẫu số SO 2CI-DN

Quản lý &amp; Kinh Doanh nhà HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của bộ tr- ởng BT

**SỔ CÁI TK 515**

(Doanh thu hoạt động tài chính)

Năm 2013

NT GS	CT-GS		Diễn giải	TK đôi ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b><u>SĐDK</u></b>			
.....	...	.....	.....	.....	.....	.....
31/10	15/10	31/10	Doanh thu hoạt động tài chính tháng 10/2013	112		10.235.000
30/11	10/11	30/11	Doanh thu hoạt động tài chính tháng 11/2013	112		7.589.300
<b>31/12</b>	<b>03/12</b>	<b>31/12</b>	<b>Doanh thu hoạt động tài chính tháng 12/2013</b>	<b>112</b>		<b>5.750.100</b>
31/12	60/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính năm 2013	911	138.420.880	
			Cộng		<b>138.420.880</b>	<b>138.420.880</b>
			<b><u>SDCK</u></b>			

Người ghi sổ  
(kí, họ tên)

Kế toán trưởng  
(kí, họ tên)

Giám đốc  
(kí, họ tên)

**2.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính**

Tại công ty TNHH MTV Quản lý & kinh doanh nhà Hải Phòng, chi phí tài chính là các khoản chi phí phát sinh từ lãi vay ngân hàng, chi phí chuyển tiền ngân hàng...

**\*Tài khoản sử dụng:**

TK 635-Chi phí hoạt động tài chính

TK 111,112...

**\*Chứng từ kế toán sử dụng:**

Giấy báo nợ của Ngân hàng, Sổ phụ của ngân hàng, Phiếu chi

Các chứng từ khác có liên quan

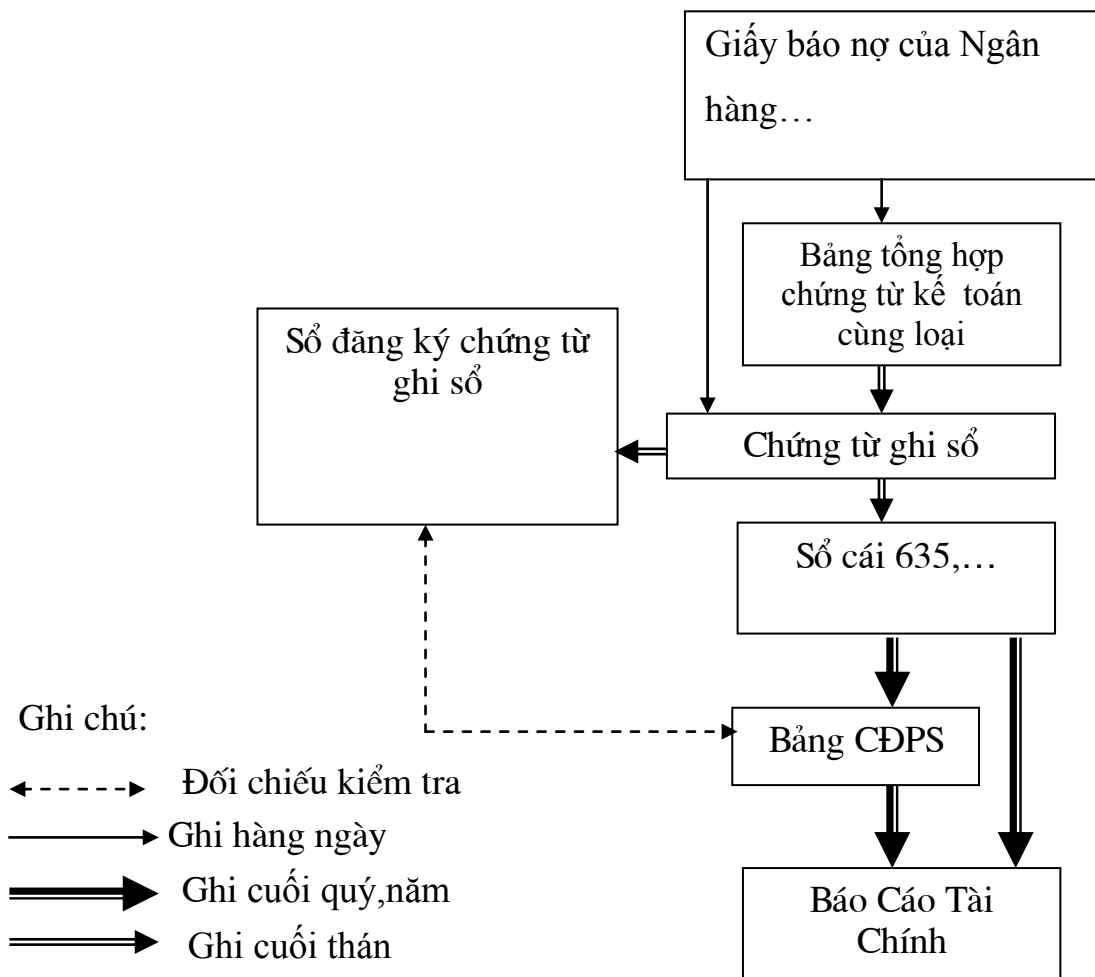
**\*Sổ sách kế toán sử dụng:**

Chứng từ ghi sổ

Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Sổ cái TK 635

**\*Trình tự luân chuyển chứng từ:**



**Quy trình hạch toán chi phí hoạt động tài chính tại công ty**

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán như: giấy báo nợ, phiếu chi... kế toán vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại.

Cuối tháng, kế toán căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập các chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái tài khoản 635.

Cuối quý, năm từ sổ cái tài khoản 635 làm căn cứ để lập bảng cân đối phát sinh. Từ bảng cân đối phát sinh lập ra báo cáo tài chính.

**Ví dụ5:**

Ngày 31/12/2014 phát sinh nghiệp vụ, chi phí chuyển tiền qua ngân hàng thanh toán cho Công ty Thăng Long số tiền 304.000

Căn cứ vào phiếu chi số C61/12 và các chứng từ có liên quan, kế toán định khoản:

Nợ TK 635: 304.000

Có TK 111: 304.000

Từ bút toán trên, kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp chứng từ cùng loại.

Cuối tháng, căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập các chứng từ ghi sổ, từ các chứng từ ghi sổ ghi sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK635.

Cuối quý, năm căn cứ vào sổ cái TK 635 lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh kế toán lập Báo cáo tài chính

Công ty TNHH MTV  
Quản lý & Kinh Doanh nhà HP

Mẫu số 02 – TT  
Ban hành theo QĐ số 15/2006  
ngày 20/03/2006 của bộ tr- ờng BTC

## Phiếu chi

Số: C61/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nợ 635 : 304.000

Có 111 : 304.000

Họ tên ng- ời nhận tiền: Lê Thanh Hà.

Địa chỉ: Phòng kế toán.

Lý do chi: phí chuyển tiền qua ngân hàng thanh toán cho Công ty Thăng Long

Số tiền: 304.000 (viết bằng chữ): Ba trăm linh tư ngàn đồng chẵn.

Kèm theo : Chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Giám đốc	Kế toán tr- ờng	Ng- ời nhận tiền	Ng- ời lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ).....

+ Tỷ giá hối đoái (Vàng bạc đá quý).....

+Số tiền quy đổi.....

Công ty TNHH MTV  
 Quản lý & Kinh Doanh nhà HP

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC CÙNG LOẠI**

Tháng 12 năm 2013

(Ghi có TK 111)

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 111, ghi nợ các TK				
SH	NT		133	635	642	...	Cộng
...	...	.....	.....	.....	.....	...	.....
C46/12	20/12	Chi mua văn phòng phẩm cho phòng hành chính	212.500		2.125.000		2.337.500
C47/12	21/12	Chi tiếp khách	356.400		3.564.500		3.920.900
...	...	....	...	...	...	...	....
<b>C61/12</b>	<b>31/12</b>	<b>Chi phí chuyển tiền qua ngân hàng thanh toán cho Công ty Thăng Long</b>		<b>304.000</b>			<b>304.000</b>
...	...	.....	.....	.....	.....	...	.....
		<b>Cộng</b>	<b>156.800.000</b>	<b>21.384.480</b>	<b>356.500.000</b>	<b>...</b>	<b>4.475.325.210</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ  
 (kí, họ tên)

Kế toán trưởng  
 (kí, họ tên)

Giám đốc  
 (kí, họ tên)

Công ty TNHH MTV  
 Quản lý & Kinh Doanh nhà HP

Mẫu số SO2a -DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006  
 ngày 20/03/2006 của bộ tr- ởng BTC

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 02/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi phí quản lý doanh nghiệp tháng 12/2013 bằng tiền mặt	642	111	356.500.000	
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ bằng tiền mặt tháng 12/2013	133	111	156.800.000	
<b>Chi phí hoạt động tài chính bằng tiền mặt tháng 12/2013</b>	<b>635</b>	<b>111</b>	<b>21.384.480</b>	
.....	...	...	.....	...
<b>Cộng</b>			<b>4.475.325.210</b>	

Kèm theo... chứng từ gốc

Ng- ời lập

(kí, họ tên)

Kế toán tr- ởng

(kí, họ tên)



Công ty TNHH MTV  
 Quản lý & Kinh Doanh nhà HP

Mẫu số SO 2C1-DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/03/2006 của bộ tr- ờng BT

**SỔ CÁI TK 635**

(Chi phí hoạt động tài chính)

Năm 2013

NT GS	CT-GS		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/5	04/05	31/5	Chi phí tài chính bằng tiền gửi tháng 05/2013	112	24.560.456	
30/6	12/06	30/6	Chi phí tài chính bằng tiền gửi tháng 06/2013	112	30.120.560	
....	.....	...	.....	.....	.....	.....
<b>31/12</b>	<b>02/12</b>	<b>31/12</b>	<b>Chi phí tài chính bằng tiền mặt tháng 12/2013</b>	<b>111</b>	<b>21.384.480</b>	
31/12	61/12	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính năm 2013	911		404.120.500
			Cộng		<b>404.120.500</b>	<b>404.120.500</b>
			<b><u>SDCK</u></b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ  
 (kí, họ tên)

Kế toán trưởng  
 (kí, họ tên)

Giám đốc  
 (kí, họ tên)

### 2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

#### \*Hạch toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong 1 thời kì nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Kết quả kinh doanh cũng là cơ sở để doanh nghiệp tự đánh giá kết quả kinh doanh, từ đó có những phân tích đúng đắn, hợp lý cho quá trình kinh doanh của mình.

Tài khoản 511, 515, 632, 635, 642 được sử dụng để hạch toán kết quả kinh doanh của công ty

-Nếu (Tổng doanh thu+Thu nhập)-Tổng Chi phí < 0

=> Doanh nghiệp lỗ, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Nợ của TK421-Lợi nhuận chưa phân phối.

-Nếu (Tổng doanh thu+Thu nhập)-Tổng Chi phí > 0

=> Doanh nghiệp lãi, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Có của TK421-Lợi nhuận chưa phân phối.

-Nếu (Tổng doanh thu+Thu nhập)-Tổng Chi phí = 0

=> Doanh nghiệp hòa vốn.

Lợi nhuận trước thuế TNDN = Tổng Doanh thu - Tổng chi phí

Thuế TNDN= Lợi nhuận trước thuế TNDN \* suất thuế TNDN(25%)

#### \*Tài khoản sử dụng:

-TK 911-Xác định kết quả kinh doanh

-TK421-Lợi nhuận chưa phân phối

-TK821-Chi phí thuế TNDN

-TK liên quan: 511,515,632,635,642

#### \*Chứng từ kế toán sử dụng

Các phiếu kế toán

**Ví dụ:** Xác định kết quả kinh doanh của công ty năm 2013

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 45.618.112.660

Giá vốn hàng bán: 39.192.809.800

Chi phí quản lý doanh nghiệp: 2.650.143.000

Doanh thu hoạt động tài chính: 138.420.880

Chi phí hoạt động tài chính: 404.120.500

\*Xác định kết quả kinh doanh:

<b>Kết quả</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Giá vốn</b>	<b>Chi phí</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Chi phí</b>
<i>kinh doanh =</i>	<i>bán hàng _</i>	<i>hàng bán_</i>	<i>quản lý +</i>	<i>tài chính _</i>	<i>tài chính</i>
	<i>cung cấp dịch vụ</i>		<i>doanh nghiệp</i>		

Kết quả kinh doanh = 45.618.112.660\_ 39.192.809.800\_2.650.143.000

+138.420.880\_404.120.500 =3.509.460.240

=>Công ty kinh doanh lãi 3.509.460.240

Thuế TNDN= 3.509.460.240\* 25% = 877.365.060

Lợi nhuận sau thuế TNDN= 2.632.095.180

Sau khi kết chuyển các khoản doanh thu,chi phí ta xác định công ty kinh doanh. Kế toán tiến hành lập các phiếu kế toán

Công ty TNHH MTV  
Quản lý &Kinh Doanh nhà HP

### PHIẾU KẾ TOÁN

Số 35

Ngày 31/12/2013

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	Kết chuyển DT BH và cung cấp DV	511	911	45.618.112.660
02	Kết chuyển DT hoạt động TC	515	911	138.420.880
	<b>Cộng</b>			45.756.533.540

Công ty TNHH MTV  
 Quản lý & Kinh Doanh nhà HP

Mẫu số SO2a -DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006  
 ngày 20/03/2006 của bộ tr- ởng BTC

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số: 60/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển DT BH và cung cấp DV	511	911	45.618.112.660	
Kết chuyển DT hoạt động TC	515	911	138.420.880	
Cộng			45.756.533.540	

Kèm theo... chứng từ gốc

Ng- ời lập

Kế toán tr- ởng

(kí, họ tên)

(kí, họ tên)

Công ty TNHH MTV  
Quản lý & Kinh Doanh nhà HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 36

Ngày 31/12/2013

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>
01	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	39.192.809.800
02	Kết chuyển Chi phí hoạt động tài chính	911	635	404.120.500
03	Kết chuyển Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	2.650.143.000
05	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	877.365.060
06	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	2.632.095.180
	<b>Cộng</b>			<b>45.756.533.540</b>

Ngày 31/12/2013

Công ty TNHH MTV

Quản lý &amp; Kinh Doanh nhà HP

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 61/12

Ngày 31/12/2013

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	39.192.809.800	
Kết chuyển chi phí TC	911	635	404.120.500	
Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	2.650.143.000	
Kết chuyển thuế TNDN	911	821	877.365.060	
Kết chuyển lãi	911	421	2.632.095.180	
<b>Cộng</b>			<b>45.756.533.540</b>	

Kèm theo...chứng từ gốc

Ng-ời lập

(kí, họ tên)

Kế toán tr-ởng

(kí, họ tên)

Công ty TNHH MTV  
 Quản lý & Kinh Doanh nhà HP

Mẫu số SO2b -DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006  
 ngày 20/03/2006 của bộ tr- ởng BTC

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Năm 2013

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....	.....	.....
01/12	31/12	3.515.573.546
02/12	31/12	4.475.325.210
03/12	31/12	2.685.642.000
.....	.....	.....
18/12	31/12	5.717.930.700
.....	.....	.....
<b>60/12</b>	<b>31/12</b>	<b>45.756.533.540</b>
<b>61/12</b>	<b>31/12</b>	<b>45.756.533.540</b>
<b>Cộng</b>		184.804.341.767

Ngày 31 /12/2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Công ty TNHH MTV

Mẫu số SO 2C1-DN

Quản lý & Kinh Doanh nhà HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của bộ tr-ởng BTC

**SỔ CÁI TK 911**

(Xác định kết quả kinh doanh)

Năm 2013

NT GS	CT-GS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>			
31/12	60/12	31/12	Kết chuyển DT BH và cung cấp DV	511		45.618.112.660
31/12	60/12	31/12	Kết chuyển DT hoạt động TC	515		138.420.880
31/12	61/12	31/12	Kết chuyển GVHB	632	39.192.809.800	
31/12	61/12	31/12	Kết chuyển chi phí TC	635	404.120.500	
31/12	61/12	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	642	2.650.143.000	
31/12	61/12	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821	877.365.060	
31/12	61/12	31/12	Kết chuyển lãi	421	2.632.095.180	
			Cộng PS		<b>45.756.533.540</b>	<b>45.756.533.540</b>
			<b><u>SDCK</u></b>			

Ngày 31/12/2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(kí, họ tên)

(kí, họ tên)

(kí, họ tên)



**CHƯƠNG III****MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC  
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ  
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ &  
KINH DOANH NHÀ HẢI PHÒNG****3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH MTV Quản lý & kinh doanh nhà Hải Phòng.**

Công ty TNHH MTV Quản lý & kinh doanh nhà Hải Phòng với bề dày phát triển qua nhiều năm luôn có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh và đang khẳng định chỗ đứng của mình trên thị trường. Để có được những thành tựu như ngày hôm nay thì không thể không kể đến những cố gắng, nỗ lực của đội ngũ nhân viên tận tụy, nhiệt tình với công việc, chịu khó tìm tòi học hỏi để đổi mới công ty, xây dựng công ty lớn mạnh. Những ưu điểm và nhược điểm của công ty trong công tác tổ chức hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được thể hiện qua các khía cạnh sau.

**3.1.1. Ưu điểm*****Về bộ máy quản lý:***

Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ quản lý và kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng.

***Về bộ máy kế toán:***

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối chặt chẽ, gọn nhẹ, hình thức kế toán phù hợp với trình độ khả năng của đội ngũ kế toán. Cùng với năng lực tinh thần trách nhiệm nhiệt tình trong công việc, họ đã góp phần vào công tác hạch toán cũng như quản lý tài chính trong công ty.

Phòng kế toán thường xuyên tham mưu cho ban giám đốc về chính sách mới của nhà nước nhằm duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh của công ty nói chung và bộ máy kế toán nói riêng để hoàn thành nhiệm vụ với chất lượng công việc cao.

***Về công tác kế toán:***

Với hình thức tổ chức bộ máy kế toán phân tán, công tác kế toán ở Công ty đ-ợc tổ chức có kế hoạch, sắp xếp và bố trí cán bộ nhân viên kế toán phù hợp

với năng lực trình độ bản thân nên chất lượng công tác kế toán được nâng cao, phục vụ cho quá trình ghi chép, quản lý, lưu trữ, luân chuyển chứng từ chính xác, hiệu quả cao. Phương pháp hạch toán kế toán của Công ty tuân theo chế độ kế toán mới, các chứng từ sổ sách rõ ràng, chính xác, đúng trình tự tạo điều kiện cho việc kiểm tra của lãnh đạo Công ty về kết quả kinh doanh.

### **Hình thức kế toán và chứng từ sử dụng**

- Về hình thức kế toán: Công ty TNHH một thành viên Quản lý và Kinh Doanh Nhà Hải Phòng là một doanh nghiệp Nhà nước và để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý, sửa chữa nâng cấp, thu tiền thuê nhà và kinh doanh nhà, công ty đã vận dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ, do đó công tác kế toán được tiến hành nhanh chóng, thông tin kế toán được cung cấp kịp thời chính xác và tiết kiệm về thời gian

- Việc sử dụng chứng từ kế toán hợp lý, tuân thủ đúng nguyên tắc ghi chép luân chuyển chứng từ theo chế độ tài chính hiện hành. Chứng từ kế toán được quản lý chặt chẽ và mang tính pháp lý cao. Chứng từ được lưu trữ và đóng quyển theo thứ tự để thuận lợi cho việc kiểm tra, thanh tra, tổ chức hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo thống kê nội bộ đầy đủ kịp thời để lãnh đạo nắm bắt tình hình nhanh chóng. Chứng từ về hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được tập hợp đầy đủ, thường xuyên, chặt chẽ.

### **Về phương pháp hạch toán hàng tồn kho và phương pháp tính thuế GTGT :**

- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và áp dụng phương pháp tính giá xuất kho là phương pháp bình quân liên hoàn. Phương pháp này là hoàn toàn phù hợp bởi nó tạo điều kiện thuận lợi cho việc phản ánh, ghi chép hàng hóa lưu thông.

- Việc áp dụng phương pháp hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế và hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên đã tạo điều kiện cho việc phản ánh sự biến động hàng ngày, hàng giờ của hàng hóa không phụ thuộc vào kết quả kiểm kê, việc tính thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và thuế GTGT phải nộp cũng đơn giản hơn. Công ty thực hiện đúng đủ, tính đủ số thuế phải nộp vào NSNN.

### **Về hệ thống tài khoản sử dụng :**

Hệ thống tài khoản kế toán của công ty đều theo hệ thống tài khoản kế toán của quyết định 15/2006/QĐ-BTC. Ngoài ra để tiện cho việc theo dõi và

hạch toán, công ty còn mở thêm các tài khoản cấp 2 và cấp 3 để tiện cho việc theo dõi và hạch toán.

***Về công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh :***

Hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của công ty. Bởi lẽ nó liên quan đến việc xác định kết quả, các khoản thu nhập thực tế và phần phải nộp vào NSNN, đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông. Trên cơ sở đặc điểm của hàng hóa, dịch vụ kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng như cơ quan thuế, ngân hàng hay các nhà cung cấp... còn cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp, giúp ban Giám đốc công ty có những quyết định về hoạt động kinh doanh hiệu quả và đúng đắn.

***Về cập nhập thông tin:***

Kế toán th- ờng xuyên nắm vững và vận dụng những chính sách, quy định mới của Nhà n- ớc về công tác hạch toán kế toán. Hơn thế, tr- ớc những thay đổi một số quy định về ph- ơng pháp hạch toán kế toán tại một số phần hành Công ty đã kịp thời cập nhập để thay đổi sao cho phù hợp với chuẩn mực kế toán mới.

***Về đội ngũ cán bộ công nhân viên:***

Hiện nay, trong nền kinh tế thị tr- ờng, các doanh nghiệp lao vào cuộc cạnh tranh nhau để chứng tỏ mình là một doanh nghiệp có tiềm năng nhằm thu hút vốn đầu t- tạo ra lợi nhuận cao nhất. Muốn làm đ- ợc điều này thì các nhà quản lý cần phải có chiến l- ợc cạnh tranh, nghiên cứu thị tr- ờng để khai thác một cách có hiệu quả nhất đạt đ- ợc lợi nhuận trong kinh doanh. Một biện pháp quan trọng đó là nâng cao công tác kế toán. Tại Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh Doanh Nhà HP, ban lãnh đạo Công ty đã rất chú trọng tới vấn đề này. Phòng kế toán th- ờng xuyên chú trọng công tác đào tạo bồi d- ỡng nghiệp vụ cho các cán bộ kế toán, tất cả các cán bộ đều có trình độ đại học. Đó là điều kiện hết sức thuận lợi và cùng với sự phân công phân nhiệm rõ ràng cho từng ng- ời đã tạo nên một bộ máy hoàn chỉnh. Cả phòng kế toán làm việc ăn khớp nhịp nhàng, có hiệu quả, cung cấp số liệu cụ thể, chính xác, chi tiết và tổng hợp cho những nhà quản lý một cách đầy đủ, kịp thời nhằm thực hiện tốt nhất công tác kế toán nói chung và công tác kế doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Công ty có đội ngũ cán bộ kế toán có năng lực, trình độ, kinh nghiệm, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, yêu nghề.

Công ty còn luôn quan tâm đến việc nâng cao trình độ của cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty nói chung và trong phòng kế toán nói riêng bằng cách gửi nhân viên đi học các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ mở rộng tầm hiểu biết đáp ứng kịp thời những thay đổi của chế độ kế toán hiện hành.

### 3.1.2. Nhược điểm

Tại công ty TNHH một thành viên Quản lý và Kinh Doanh Nhà Hải Phòng bên cạnh những ưu điểm đã và đang đạt được vẫn cũng tồn tại một số hạn chế gây khó khăn cho công tác kế toán của công ty như:

#### *Về vấn đề ứng dụng tin học trong công tác kế toán*

Ngày nay, cùng với sự phát triển của xã hội nên sản xuất cũng không ngừng phát triển. Để đáp ứng các yêu cầu về công tác quản lý đòi hỏi phải đảm bảo chất lượng cũng như khối lượng thông tin hạch toán ngày càng tăng. Đặc biệt là công tác quản trị doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh hiện nay, đòi hỏi khối lượng thông tin phải chính xác, kịp thời và đầy đủ. Trong quy trình hạch toán, việc ứng dụng tin học vào công tác kế toán là một yêu cầu tất yếu. Tuy nhiên, hiện tại công ty TNHH một thành viên Quản lý và Kinh Doanh Nhà HP chỉ sử dụng phần mềm kế toán đơn giản là phần mềm Misa, Vacom... mà chưa sử dụng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như phần mềm Misa, Vacom... Việc ứng dụng tin học vào công tác kế toán chưa được tận dụng hết công dụng sẽ gây lãng phí, giảm hiệu quả của việc áp dụng máy tính vào công tác kế toán.

#### *Về trích lập dự phòng phải thu khó đòi và xóa sổ những khoản nợ không đòi được:*

Khách hàng của Công ty chủ yếu là những khách hàng thuê nhà khối dân để ở hay thuê nhà để sử dụng vào mục đích kinh doanh. Nhà cho thuê khối dân có không ít hộ nợ đọng tiền nhà trong nhiều năm chưa thanh toán được do nhiều lý do: hoàn cảnh khó khăn, người già sống neo đơn, tranh chấp nhà

cửa... Cũng phải nói thêm rằng việc thu tiền nhà không dễ dàng, nhanh chóng như thu điện, nước. Việc khách hàng thanh toán chậm, nợ đọng nhiều dẫn đến tình trạng đọng vốn. Vậy mà công ty chưa trích lập dự phòng và tiến hành xóa sổ những khoản nợ không đòi được nên không lường trước được rủi ro trong kinh doanh. Như vậy là Công ty chưa quán triệt nguyên tắc thận trọng của kế toán. Điều này dễ gây đột biến chi phí kinh doanh và phản ánh sai lệch kết quả kinh doanh của kỳ đó.

#### ***Về công tác thanh toán của khách hàng***

Việc thanh toán tiền thuê nhà của khách hàng hiện nay chủ yếu vẫn là bằng tiền mặt và do thu ngân của công ty đi thu hàng tháng. Hình thức thanh toán này không nhanh chóng, gọn nhẹ. Các nhân viên thu ngân phải giữ 1 lượng tiền mặt khá lớn gây mất an toàn và có thể gặp rủi ro khi đi thu tiền. Mặt khác, vốn của công ty có thể bị chiếm dụng do nhân viên thu ngân kéo dài nộp chậm tiền thu được do có thể đem đi cho vay lãi làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính, gây thiếu vốn trong kinh doanh.

#### ***Về hệ thống sổ sách của công ty***

Công ty chưa lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 642 nên chưa theo dõi được chi tiết các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp. Như vậy việc theo dõi, kiểm tra, đối chiếu, hạch toán đối với công tác kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp chưa được chi tiết, nhanh chóng và rõ ràng làm ảnh hưởng đến công tác quản lý chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### ***Về hóa đơn, chứng từ***

Công ty đã có trường hợp giao hoá đơn cho thu ngân đi thu tiền và thu ngân làm mất hoá đơn nhưng công ty chưa có biện pháp xử lý kịp thời nên còn lúng túng trong công tác quy trách nhiệm cho cá nhân. Điều này sẽ ảnh hưởng đến việc quản lý hóa đơn, chứng từ cũng như đến việc thu tiền về, việc sử dụng vốn của công ty.

### **Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Quản lý & kinh doanh nhà Hải Phòng**

#### ***3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Quản lý & kinh doanh nhà Hải Phòng***

Trong cơ chế thị trường hiện nay, việc cạnh tranh gay gắt cũng như sự biến đổi liên tục của nền kinh tế dẫn đến kết quả tất yếu là các doanh nghiệp luôn phải có những chính sách hoạt động hợp lý, thích hợp, xác định đúng mục tiêu và phương hướng phát triển, chỉ có như vậy các doanh nghiệp mới có cơ hội tồn tại. Muốn vậy, các doanh nghiệp trước hết phải hoàn thiện, không ngừng đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý vì trong công cuộc đổi mới hiện nay, kế toán không chỉ là công cụ mà còn góp phần tham gia vào việc quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp, mà còn thông qua việc thiết lập chứng từ, ghi chép, tính toán, tổng hợp, kiểm tra, đối chiếu các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng những phương pháp khoa học, ban quản lý công ty có thể nắm được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động của tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ, sử dụng hợp lý tài sản của đơn vị mình. Bên cạnh đó, việc lập Báo cáo tài chính của công tác kế toán còn phục vụ, cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của công ty như chủ đầu tư, cơ quan thuế, ngân hàng, các tổ chức tín dụng, người lao động... để từ đó đề ra quyết định đầu tư đúng đắn.

### **3.2.2. Một số nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán**

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng có vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy, việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cần thiết, khách quan và cần phải dựa vào một số nguyên tắc:

- Nguyên tắc thống nhất: đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh. Đảm bảo sự thống nhất về hệ thống chứng từ tài khoản, sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán.
- Thực hiện đúng chế độ kế toán mà nhà nước ban hành, áp dụng các chuẩn mực kế toán, tiến hành tổ chức hạch toán theo đúng quy định.
- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học sao cho phù hợp với đặc điểm, tính chất, ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của công ty.
- Tiếp cận các chuẩn mực kế toán quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của công ty.

-Tiến hành chỉ đạo thống nhất từ ban lãnh đạo đến các phòng ban, các đơn vị, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban nhằm đảm bảo sự xuyên suốt, hợp lý.

-Công ty cần có đội ngũ nhân viên kế toán không những nắm vững cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế, luật kinh tế tài chính doanh nghiệp, mà còn hiểu biết về phần mềm kế toán trong phân tích, phản ánh, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hằng ngày và lập báo cáo tài chính. Hơn nữa, nhân viên kế toán còn phải là những người năng động, nhiệt tình, có trách nhiệm với công việc và hoàn thành tốt công việc được giao. Các nhân viên kế toán luôn phải đảm bảo cung cấp thông tin chính xác đầy đủ, kịp thời về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh.

### **3.2.3.Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Quản lý & kinh doanh nhà Hải Phòng.**

Qua quá trình thực tập tại công ty TNHH MTV Quản lý & kinh doanh nhà Hải Phòng, em đã phần nào hiểu rõ hơn về công tác kế toán nói chung, đặc biệt em đã đi sâu vào tìm hiểu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở nắm vững và tìm hiểu tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn nhiều hạn chế cần được khắc phục thì phần hành kế toán của công ty sẽ hoàn thiện hơn. Vì vậy, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty:

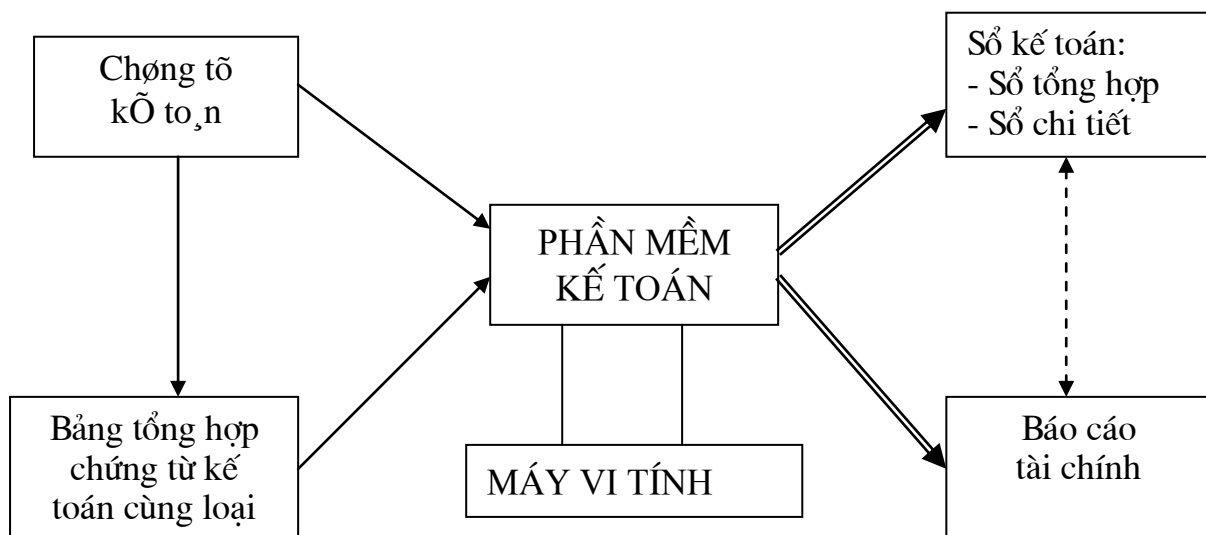
#### ***Kiến nghị 1: Về vấn đề ứng dụng tin học trong công tác kế toán:***

Để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm lao động của nhân viên kế toán, giải phóng cho kế toán chi tiết khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu số liệu một cách đơn điệu, nhàm chán, mệt mỏi để họ giành thời gian cho công việc lao động thực sự sáng tạo, Công ty nên trang bị máy tính có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty, nối mạng thông tin nội bộ để kế toán trong Công ty có thể nắm bắt đ-ợc thông tin, trao đổi và kiểm tra hệ thống thông tin cần thiết.

Phần mềm kế toán ứng dụng sẽ mang lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp. Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm. Công ty có thể đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán Fast của công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp Fast
- Phần mềm kế toán Smart Soft của công ty cổ phần Smart Soft
- Phần mềm kế toán Misa của công ty cổ phần Misa

Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau: Việc tổ chức ghi chép vào sổ kế toán tài chính, máy tính nhập dữ liệu do kế toán viên nhập từ các chứng từ liên quan vào. Cuối kỳ các bút toán kết chuyển nhập vào máy, tự máy xử lý hạch toán vào sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp, giám đốc, kế toán trưởng, người sử dụng sẽ khai báo vào máy những yêu cầu cần thiết ( sổ cái, báo cáo doanh thu, kết quả kinh doanh...) máy sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin cần thiết theo yêu cầu.



Ghi chú: Nhập số liệu hàng ngày  $\longrightarrow$   
 In sổ, báo cáo cuối tháng  $\Longrightarrow$   
 Đối chiếu, kiểm tra  $\longleftarrow\text{---}\text{---}$



Công ty đ- a phân mềm vào sẽ làm giảm nhẹ sức lực cũng nh- thời gian làm việc cho kế toán viên. Nh- vậy thì công việc sẽ đúng theo tiến độ ban lãnh đạo đề ra và đạt hiệu quả cao hơn.

### **Kiến nghị 2: Về trích lập dự phòng phải thu khó đòi xóa sổ các khoản nợ không đòi được:**

Tại công ty còn những khoản nợ phải thu quá hạn mà kế toán chưa tiến hành trích lập. Vì vậy kế toán công ty cần tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi và tiến hành xóa sổ các khoản nợ không đòi được để giúp công ty làm việc hiệu quả.

Các khoản nợ phải thu khó đòi đảm bảo các điều kiện sau:

-Số tiền phải thu phải theo dõi được cho từng đối tượng, theo từng nội dung, từng khoản nợ, trong đó ghi rõ số nợ phải thu khó đòi.

-Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, đối chiếu công nợ...

Các khoản nợ không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi:

+Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được.

+Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

\*Phương pháp lập dự phòng

Công ty phải theo dõi và thu hồi công nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Công ty nên tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán. Mức trích lập theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm

+100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên

Cuối kì kế toán công ty căn cứ vào khoản nợ phải thu được xác định là chắc chắn không thu được, kế toán tiến hành tính toán và trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Sau khi trích lập dự phòng cho từng khoản phải thu khó đòi, công ty tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chứng từ để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

*\*Tài khoản sử dụng: TK139-Dự phòng phải thu khó đòi.*

TK139 có kết cấu như sau:

*Bên nợ:*

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi
- Xóa các khoản nợ phải thu khó đòi

*Bên có:*

-Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp

Số dư bên có:

- Số dự phòng các khoản phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ.

*\*Phương pháp hạch toán:*

- Tại ngày 31/12/N trích lập dự phòng phải thu khó đòi lần đầu năm N+1:

Nợ TK 642

Có TK 139

-Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kì kế toán này nhỏ hơn kì kế toán trước thì số chênh lệch được ghi giảm trừ chi phí:

Nợ TK139

Có TK642

Trong năm N+1 khi phát sinh tổn thất thực tế, căn cứ vào quy định cho phép xóa sổ khoản nợ phải thu khó đòi, kế toán ghi:

Nợ TK139(nếu đã trích lập dự phòng)

Nợ TK642(nếu chưa trích lập dự phòng)

Có TK131,138

Đồng thời ghi nợ TK004-nợ khó đòi đã xử lý.

-Các khoản nợ phải thu khó đòi, sau khi có quyết định xử lý xóa sổ, công ty vẫn phải theo dõi riêng trên sổ kế toán và trên TK004 trong thời gian tối thiểu là 5 năm và tiếp tục có các biện pháp thu hồi nợ. Nếu thu hồi được nợ thì kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được:

Nợ TK111,112,...

Có TK711

Đồng thời ghi vào bên có TK004-nợ khó đòi đã xử lý

-Tại ngày 31/12/N+1:

+ Nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp không phải trích lập

+ Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dự phòng phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải trích lập thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch.

+ Nếu số dự phòng phải trích lập nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch vào thu nhập khác.

### **Kiến nghị 3: Về công tác thanh toán của khách hàng**

Công ty nên khuyến khích khách hàng ngoài thanh toán bằng tiền mặt có thể thanh toán bằng chuyển khoản. Như vậy vừa nhanh gọn, lại tiết kiệm thời gian, chi phí. Mặt khác, công ty cũng phải có quy định cụ thể về thời gian nộp lại tiền cho công ty của các thu ngân để tránh tình trạng tiền nộp về công ty chậm trễ, kéo dài rồi công ty bị chiếm dụng vốn ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của công ty.

### **Kiến nghị 4: Về sổ sách của công ty**

Công ty cần lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 642 để theo dõi chi tiết các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi lập sổ này rồi thì việc theo dõi, so sánh, đối chiếu các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ thật sự dễ dàng và hiệu quả. Từ đó công ty có thể cân đối hợp lý chi phí quản lý doanh nghiệp làm cho công ty hoạt động hiệu quả hơn.

Mẫu số: S36 –DN  
 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản 642\_ Chi phí quản lý doanh nghiệp

Ngày tháng GS	CT		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ TK 642					
	SH	NT			Tổng tiền	TK6421	TK6423	TK6424	...	TK6428
			PS Trong tháng							
			Cộng PS							

Người ghi sổ  
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Kí, họ tên)

**Kiến nghị 5: Về hóa đơn chứng từ của công ty**

Công ty cần có những quy định cụ thể, rõ ràng, quy rõ trách nhiệm đối với người xuất, giữ hóa đơn hay trường hợp làm mất thì phải có những biện pháp kịp thời để khắc phục như nếu làm mất thì phải trừ vào lương, cắt thưởng hoặc nộp phạt trực tiếp; trong trường hợp tái phạm nhiều lần thì hạ bậc lương hay buộc thôi việc... Có như vậy thì hoá đơn, chứng từ mới được quản lý chặt

chẽ, tránh tình trạng bị mất mát gây khó khăn trong việc thu tiền cũng như việc quản lý, hạch toán kế toán.

## KẾT LUẬN

Trong cơ chế hiện nay, vấn đề kế toán thực sự có vị trí quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Tổ chức tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là công cụ quan trọng cho các nhà quản lý nghiên cứu vận dụng, hoàn thiện vấn đề này và hoàn toàn cần thiết với công ty.

Sau 1 thời gian thực tập tại công ty TNHH MTV Quản lý & kinh doanh nhà Hải Phòng, tìm hiểu về công tác kế toán tại công ty, được sự giúp đỡ của các cô chú trong công ty cùng với sự hướng dẫn của Thạc sĩ Nguyễn Văn Thụ-Giảng viên hướng dẫn, em đã vận dụng lý thuyết, tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty, học tập thêm được những bài học và kinh nghiệm làm việc quý báu. Điều đó giúp em hiểu sâu hơn về lý luận chung, so sánh được sự giống và khác nhau giữa lý luận và thực tiễn nhằm bổ sung kiến thức đã được học trên ghế nhà trường.

Do thời gian thực tập có hạn cũng như nhận thức của bản thân còn hạn chế nên bài khóa luận này còn nhiều thiếu sót. Vì vậy, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô giáo, cán bộ kế toán của công ty cũng như các bạn sinh viên trong toàn khoa để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình và chu đáo của phòng ban kế toán công ty TNHH MTV Quản lý & kinh doanh nhà Hải Phòng, Giảng viên- Thạc sĩ Nguyễn Văn Thụ cùng các thầy cô giáo khoa Quản trị kinh doanh nói chung và ngành Kế toán-Kiểm toán trường ĐHDL Hải Phòng đã giúp em hoàn thành đợt thực tập cũng như bài khóa luận này.

***Em xin chân thành cảm ơn!***